

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Trần Thị Minh Ngọc**
Giảng viên hướng dẫn: **PGS.TS Trịnh Văn Vinh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
ĐIỆN LỰC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Minh Ngọc
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Thịnh Văn Vinh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Minh Ngọc

Mã SV: 110466

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực
 - Đánh giá được ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực năm 2010
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực
 - Địa chỉ: Số 112 Đường Ngô Quyền - Máy Chai - Ngô Quyền - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Thịnh Văn Vinh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Cơ quan công tác: Học Viện Tài Chính

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giả quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ tên:

Học hàm học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 4 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thiện xong trước ngày 16 tháng 7 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tình hình thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, mạnh dạn đề xuất các phương hướng, giải pháp để hoàn thiện đề tài.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khoá luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giảng viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đặt ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán, số liệu...)

- Về mặt lý luận: tác giả đã hệ thống hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Những giả pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh hoạ trong khoá luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tịn cậy cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):

Điểm bằng số:.....

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, Ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(Họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU1

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 3

1.1.1 Những lý luận về doanh thu 3

1.1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của doanh thu 3

1.1.1.2 Phân loại doanh thu 4

1.1.1.3 Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp 5

1.1.1.4 Các yếu tố làm giảm doanh thu 5

1.1.2 Những lý luận về chi phí 6

1.1.2.1 Khái niệm, ý nghĩa, vai trò của chi phí trong doanh nghiệp 6

1.1.2.2 Các loại chi phí và những nhân tố ảnh hưởng tới chi phí 7

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 9

1.1.3.1 Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh 9

1.1.3.2 Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh 10

1.1.3.3 Sự cần thiết phải xác định kết quả kinh doanh 11

1.2 Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp 11

1.2.1 Hạch toán kế toán doanh thu 11

1.2.1.1 Nguyên tắc hạch toán doanh thu 11

1.2.1.2 Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu đối với các hoạt động 13

1.2.1.3 Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu 16

1.2.2 Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan 23

1.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan 23

1.2.2.2 Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan .. 23

1.2.2.3 Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan 26

| | | |
|------------|--|-----------|
| 1.2.3 | Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh | 34 |
| 1.2.3.1 | Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh | 34 |
| 1.2.3.2 | Hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối | 36 |
| 1.3 | Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 37 |
| 1.3.1 | Các hình thức kế toán | 37 |
| 1.3.2 | Sổ kế toán sử dụng | 38 |

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

| | | |
|------------|---|-----------|
| 2.1 | Khái quát chung về Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 39 |
| 2.1.1 | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty | 39 |
| 2.1.2 | Đặc điểm dịch vụ, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 41 |
| 2.1.3 | Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty | 41 |
| 2.1.4 | Mô hình tổ chức bộ máy kế toán | 44 |
| 2.1.4.1 | Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán | 44 |
| 2.1.4.2 | Hình thức kế toán áp dụng tại công ty | 44 |
| 2.1.4.3 | Quy trình hạch toán kế toán | 45 |
| 2.1.5 | Tình hình và kết quả hoạt động SXKD của công ty trong 3 năm gần đây | 46 |
| 2.2 | Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 47 |
| 2.2.1 | Đặc điểm về dịch vụ của công ty | 47 |
| 2.2.2 | Kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 48 |
| 2.2.2.1 | Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 49 |
| 2.2.2.2 | Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 60 |
| 2.2.2.3 | Kế toán thu nhập khác | 64 |
| 2.2.3 | Kế toán các loại chi phí tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 69 |
| 2.2.3.1 | Kế toán giá vốn hàng bán | 69 |

| | |
|--|----|
| 2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 74 |
| 2.2.3.3 Kế toán chi phí tài chính | 79 |
| 2.2.3.4 Kế toán chi phí khác | 83 |
| 2.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 88 |

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

| | |
|---|------------|
| 3.1 Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 97 |
| 3.1.1 Nhận xét chung..... | 97 |
| 3.1.2 Một số ưu điểm của công ty trong công tác kế toán | 98 |
| 3.1.3 Một số mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 100 |
| 3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực . | 101 |
| 3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện | 101 |
| 3.2.2 Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện | 102 |
| 3.2.3 Nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện | 103 |
| 3.2.4 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 103 |
| 3.3 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực..... | 110 |
| 3.3.1 Đối với Nhà nước | 110 |
| 3.3.2 Đối với doanh nghiệp | 110 |
| 3.3.3 Đối với hiệp hội nghề nghiệp | 110 |
| KẾT LUẬN | 111 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 113 |

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài:

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thành công trong việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, tổ chức thành công hội nghị APEC và hội nghị AFTA. Đây là cơ hội tốt để nước ta quảng bá về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, giúp nền kinh tế đẩy mạnh phát triển theo kịp thời đại. Đồng thời, nó cũng tạo ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế còn non kém của nước ta.

Mỗi nhà kinh doanh đều phải tự đặt ra câu hỏi: “ Sản xuất gì? Sản xuất cho ai? Sản xuất như thế nào? ” để đạt mức lợi nhuận tối đa. Chính vì vậy, đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp cần phải nhận thức và áp dụng các phương pháp quản lý trên cơ sở những số liệu thực tế đã hạch toán để phân tích kinh tế và toàn cục quá trình SXKD, tìm ra ưu khuyết điểm của những hoạt động kinh tế đã thực hiện và đưa ra biện pháp giải quyết. Từ đó đưa quá trình sản xuất kinh doanh phát triển không ngừng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau thời gian thực tập tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực, em đã lựa chọn đề tài khóa luận của mình là: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực”

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Một là: Nghiên cứu hệ thống hoá nhằm làm rõ nhận thức chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Hai là: Làm rõ thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

Ba là: Lý luận chung và tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực để đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

4. Phương pháp nghiên cứu

Lấy lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng làm kim chỉ nam để nghiên cứu. Lấy lý luận soi vào thực tiễn và lấy thực tiễn làm nền tảng để kiểm tra lại lý luận.

5. Nội dung kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của bài khóa luận được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần vận tải và dịch vụ điện lực.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận tải và dịch vụ điện lực.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các cô, các chị phòng kế toán và thầy giáo – PGS. TS. Thịnh Văn Vinh. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Minh Ngọc

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Những lý luận về doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của doanh thu.

➤ Khái niệm doanh thu:

- Doanh thu: Là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

➤ Đặc điểm của doanh thu:

Khi bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ, doanh thu phát sinh dưới dạng tiền hoặc khoản chấp nhận cho nợ (cho nợ: là sự cam kết của khách hàng sẽ trả tiền hàng hay dịch vụ ở một thời điểm được ấn định trong tương lai).

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi

suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Doanh thu phải được theo dõi riêng theo từng loại doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng thứ doanh thu như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Phân loại doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền ghi trên hoá đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.
- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc công ty, tổng công ty.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Bao gồm các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

1.1.1.3. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp.

Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nói đến doanh thu, trước hết phải nói đến quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp. Nếu tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho dòng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

Qua quá trình tiêu thụ, doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đó chính là nguồn thu quan trọng, chủ yếu để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn đã bỏ ra, có tiền để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ, có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.1.4. Các yếu tố làm giảm doanh thu

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh vốn kinh doanh, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại do người bán vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh giảm doanh thu thuần của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.

- Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTDB, thuế xuất khẩu: là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho đối tượng tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ; cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

1.1.2. Những lý luận về chi phí.

1.1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa, vai trò của chi phí trong doanh nghiệp.

❖ Khái niệm chi phí:

Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

❖ Ý nghĩa và vai trò của chi phí trong doanh nghiệp:

Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.

Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính; phản ánh chi phí bán hàng và các chi phí quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành và các thành phần kinh tế.

Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp, là các khoản mà công ty phải chi trả cho các hoạt động tài chính. Nếu biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp công ty thu được lợi nhuận cao nhất.

1.1.2.2. Các loại chi phí và những nhân tố ảnh hưởng tới chi phí.

❖ Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với Doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với Doanh nghiệp thương mại).

❖ Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu phục vụ bán hàng
- Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ bán hàng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

- Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo.
- Chi phí hoa hồng đại lý
- Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp.***

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như:

- Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...)
- BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí
- Các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...)
- Chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

❖ ***Chi phí hoạt động tài chính.***

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ ***Chi phí khác***

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh

doanh thông thường, bao gồm:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán
- Chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản cố định
- Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng
- Số tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Kiểm kê phát hiện thiếu tài sản xử lý ghi vào chi phí khác

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh.

❖ Khái niệm, mục đích xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Mục đích của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là để đánh giá về kết quả kinh doanh có thể là lãi hoặc lỗ, về hiệu quả quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ kết quả đó sẽ được phân phối, sử dụng theo những mục đích nhất định theo quy định của cơ chế tài chính như: Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chia

lãi cho các bên liên doanh, chia cổ tức cho các cổ đông, để lại cho doanh nghiệp để hình thành các quỹ và bổ sung nguồn vốn.

❖ **Ý nghĩa và vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh:**

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu và chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn và chính xác kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí luôn gắn liền với việc xác định kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh ngoài việc là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước mà còn là số liệu cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, ngân hàng và các đối tượng liên quan xem xét có nên đầu tư nữa hay không. Do vậy, với bất kỳ một doanh nghiệp nào, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn luôn đóng vai trò quan trọng, nó có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp.

1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kết quả kinh doanh được tập hợp từ các doanh thu và các chi phí, bao gồm:

- Các loại doanh thu: Doanh thu hoạt động sản xuất chính, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.
- Các chi phí: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.

Cuối kỳ kế toán, các doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

1.1.3.3. Sự cần thiết phải xác định kết quả kinh doanh.

Cùng với việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho ta biết được trong kỳ kế toán đó công ty được lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.2. Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.2.1. Hạch toán kế toán doanh thu.

1.2.1.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu

hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911

1.2.1.2. Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu đối với các hoạt động.

❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế

toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động....

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường- Mẫu số 02 GTKT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 14- BH)

- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15- BH)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)

- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

➤ Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ.

❖ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu và xác định doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

+ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà người bán đã thanh toán hoặc sẽ thanh toán cho người mua vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn đã được thoả thuận trước trong hợp đồng hoặc trong cam kết mua bán.

- + Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị sản phẩm hàng hoá hay dịch vụ đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản trong hợp đồng như hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- + Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- + Thuế xuất khẩu: Là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, doanh nghiệp đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

❖ ***Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.***

➤ Nội dung: bao gồm:

- Thu tiền lãi cho vay ngắn hạn, dài hạn
- Lãi từ bán chứng khoán, cổ tức được chia
- Lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái
- Thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng
- Thu từ lãi bán hàng trả góp

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng...
- Sổ theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN)

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua...

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Kế toán doanh thu hoạt động khác.***

- Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.

Nội dung của thu nhập khác được quy định tại Chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
 - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng;
 - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
 - Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại;
 - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
 - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
 - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
 - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra.
- Các chứng từ, sổ sách sử dụng:
 - Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua;
 - Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng;
 - Sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại;
 - Sổ nhật ký thu tiền...

- Tài khoản sử dụng: Tất cả các khoản thu nhập khác nêu trên, phát sinh trong kỳ được hạch toán vào TK 711.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu.

❖ *Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

➤ *Trường hợp bán ra ngoài doanh nghiệp:*

Tài khoản sử dụng: TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

➤ *Trường hợp tiêu thụ trong nội bộ:*

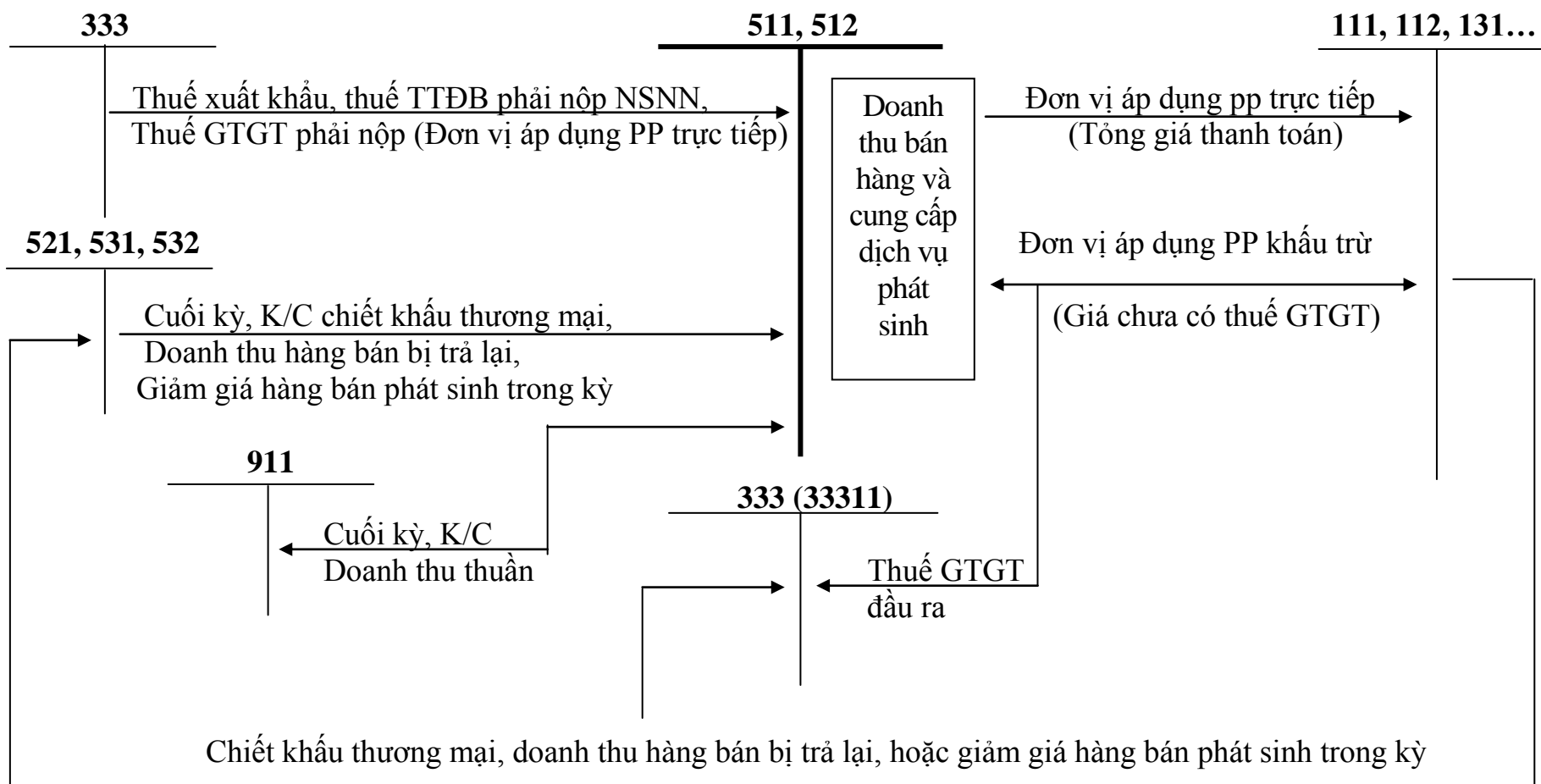
Tài khoản sử dụng: TK 512- Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

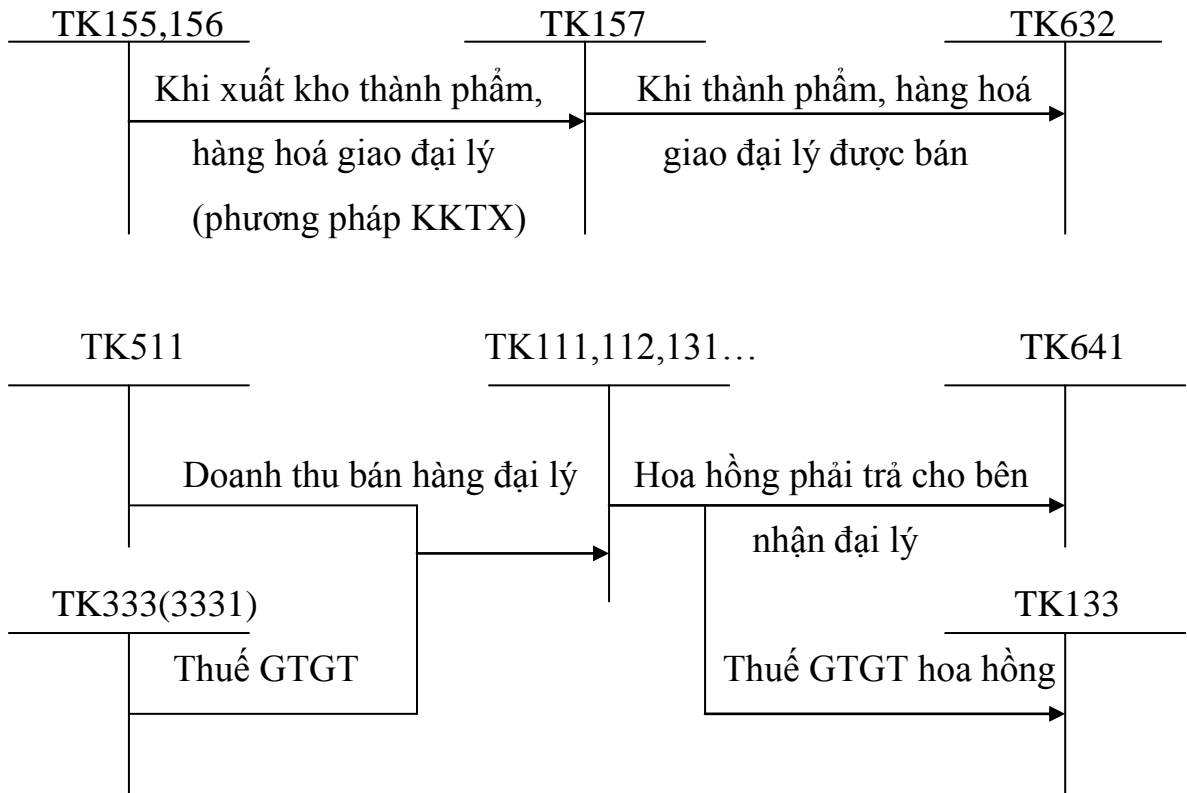
Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Sơ đồ 1.1)

Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

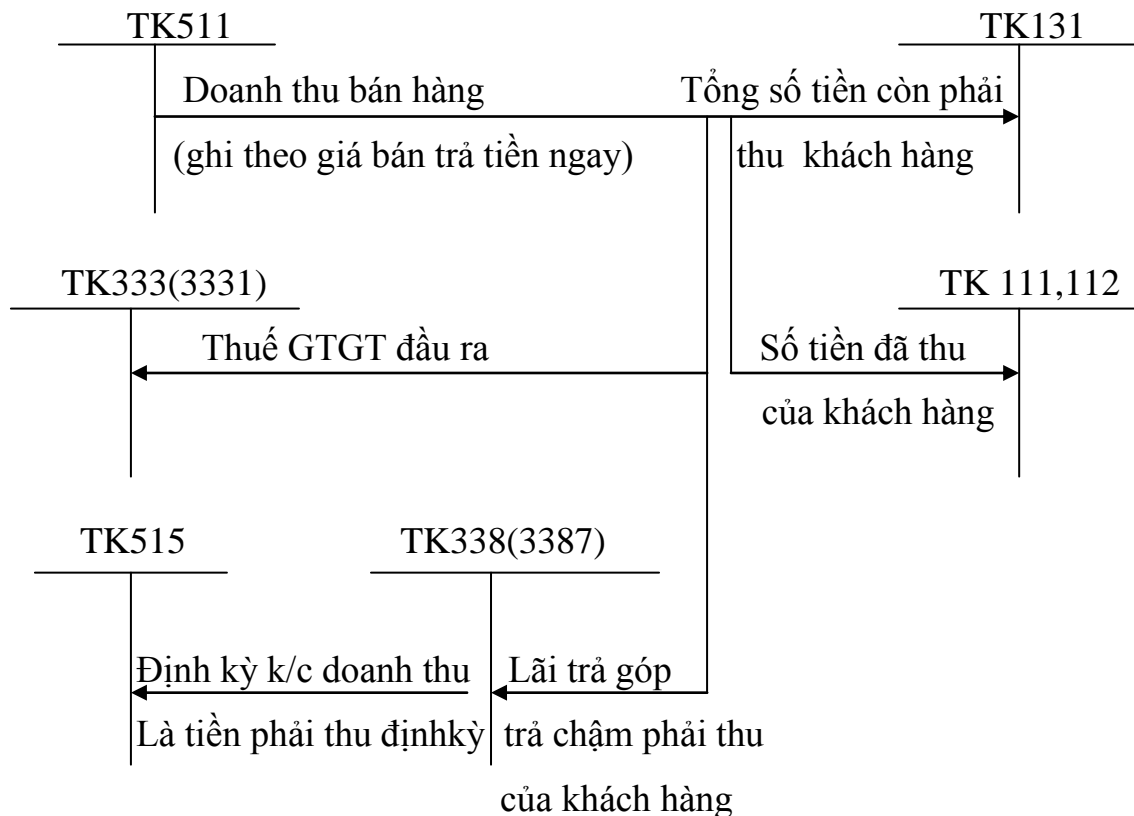


$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} - \text{Doanh thu hàng giảm giá} - \text{Thuế XK, TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (theo pp trực tiếp)}$$

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hoa hồng)**

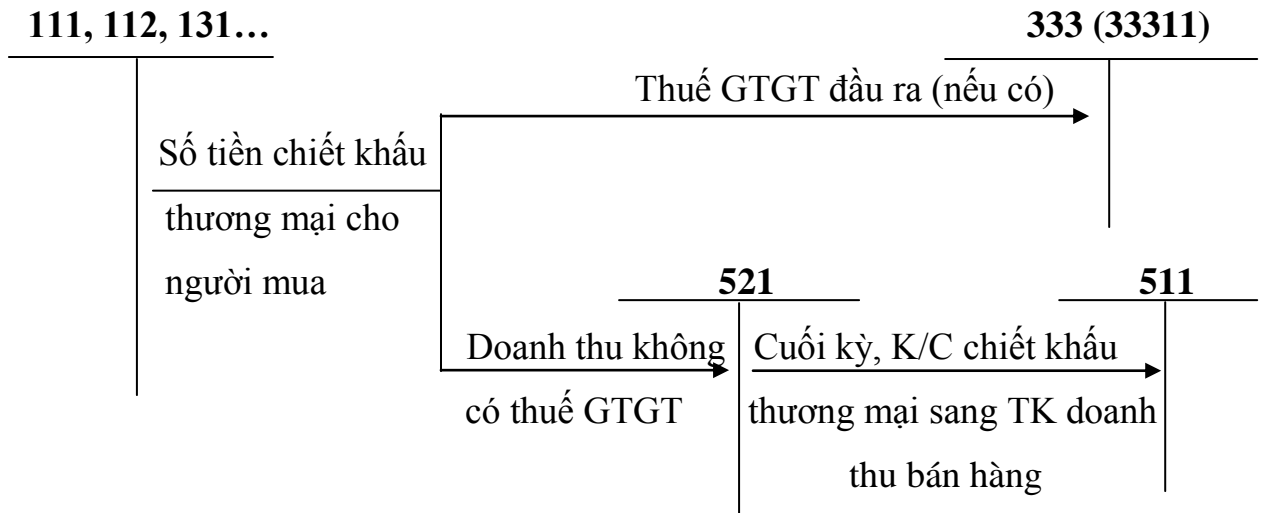


Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)

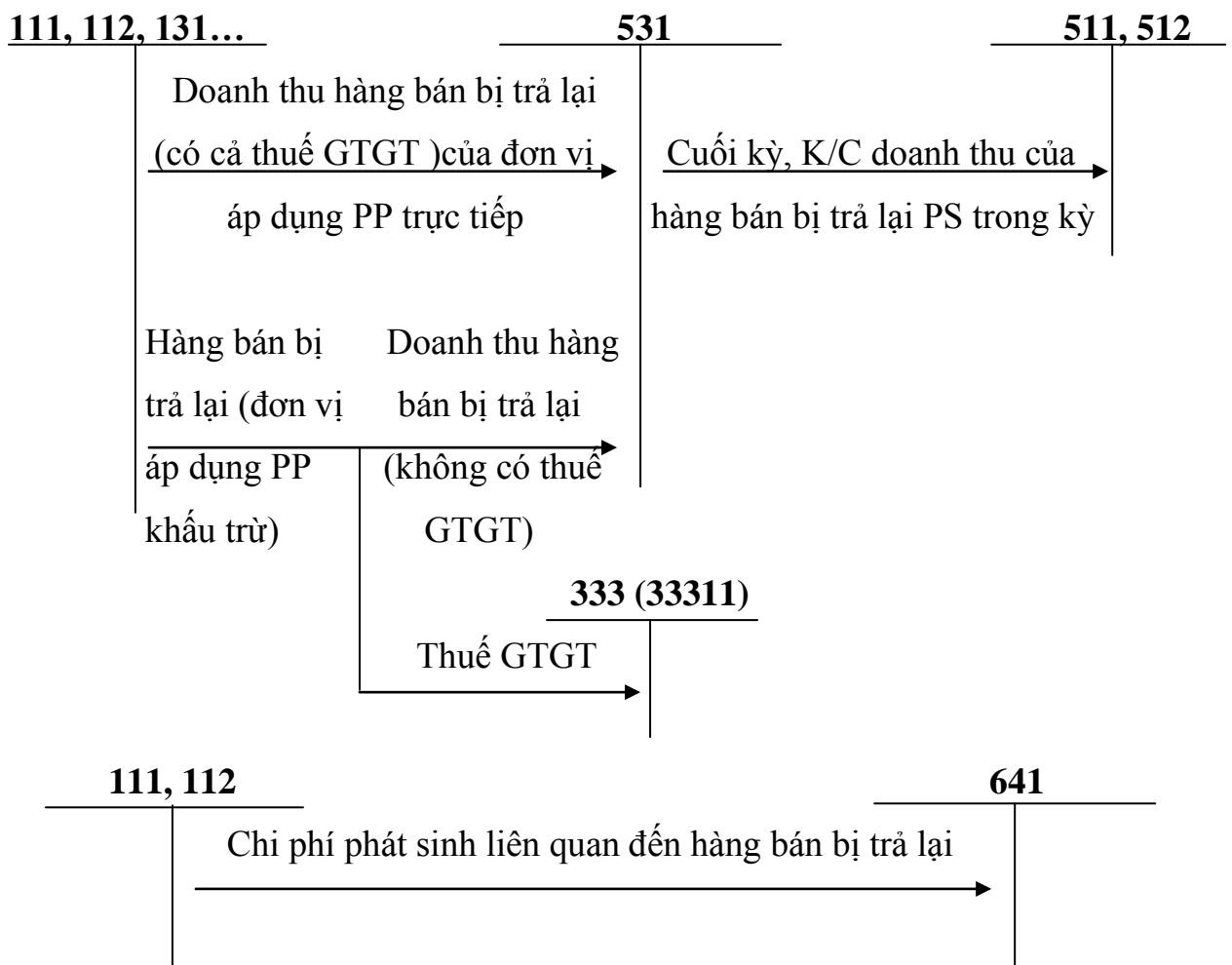


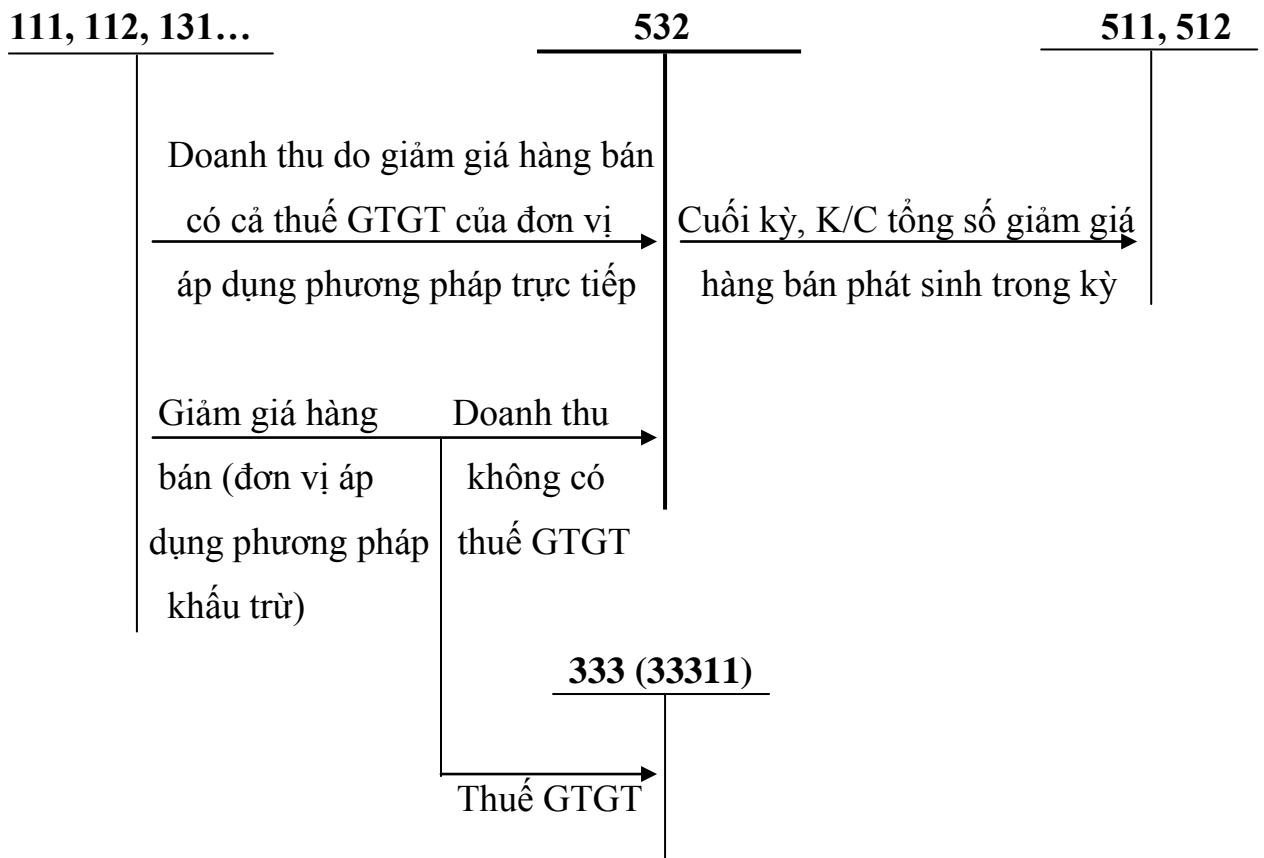
Sơ đồ 1.4: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI

(Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.5: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI





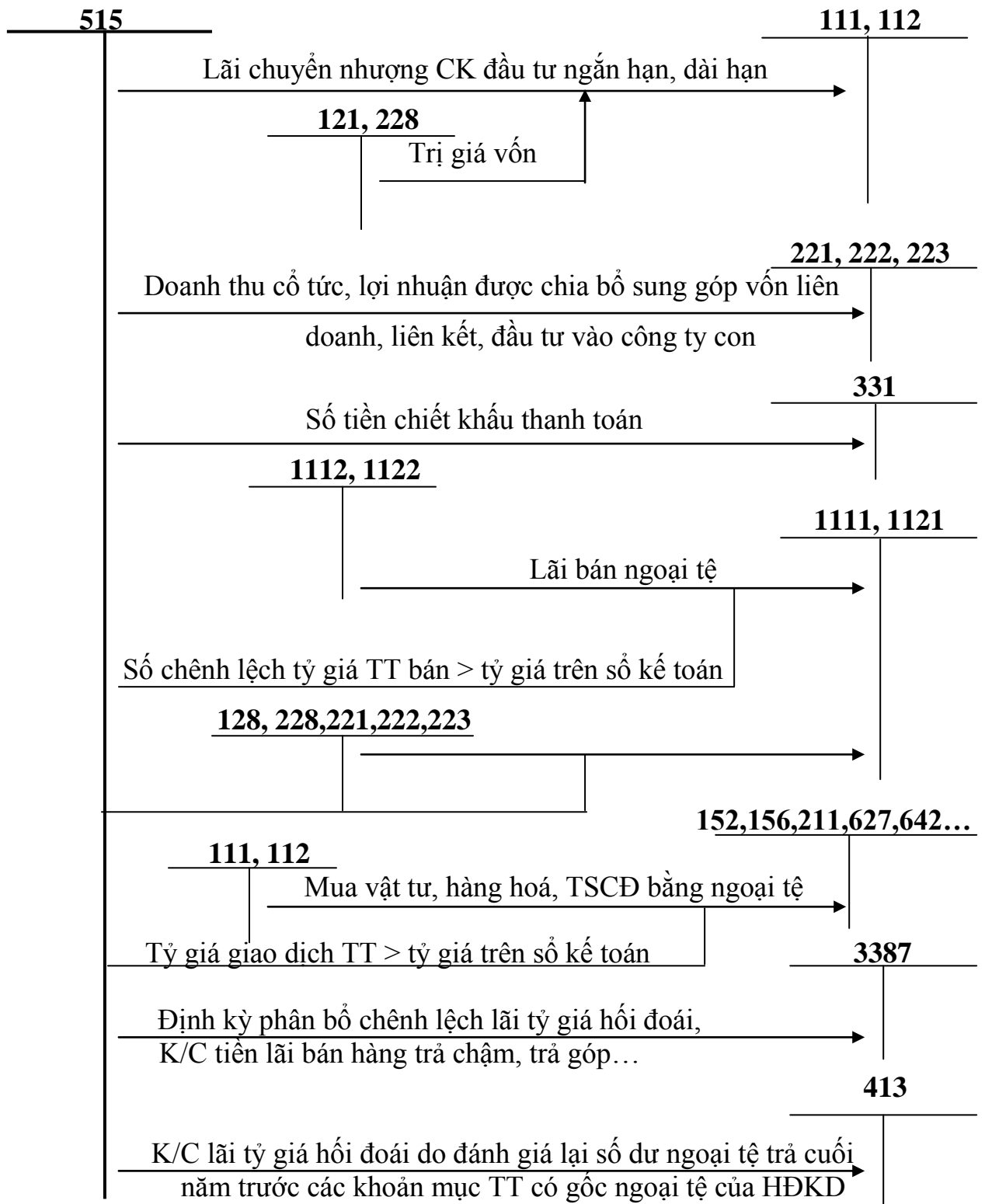
Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng, sau khi đã phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

❖ **Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Tài khoản sử dụng: TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính. (Sơ đồ 1.5)

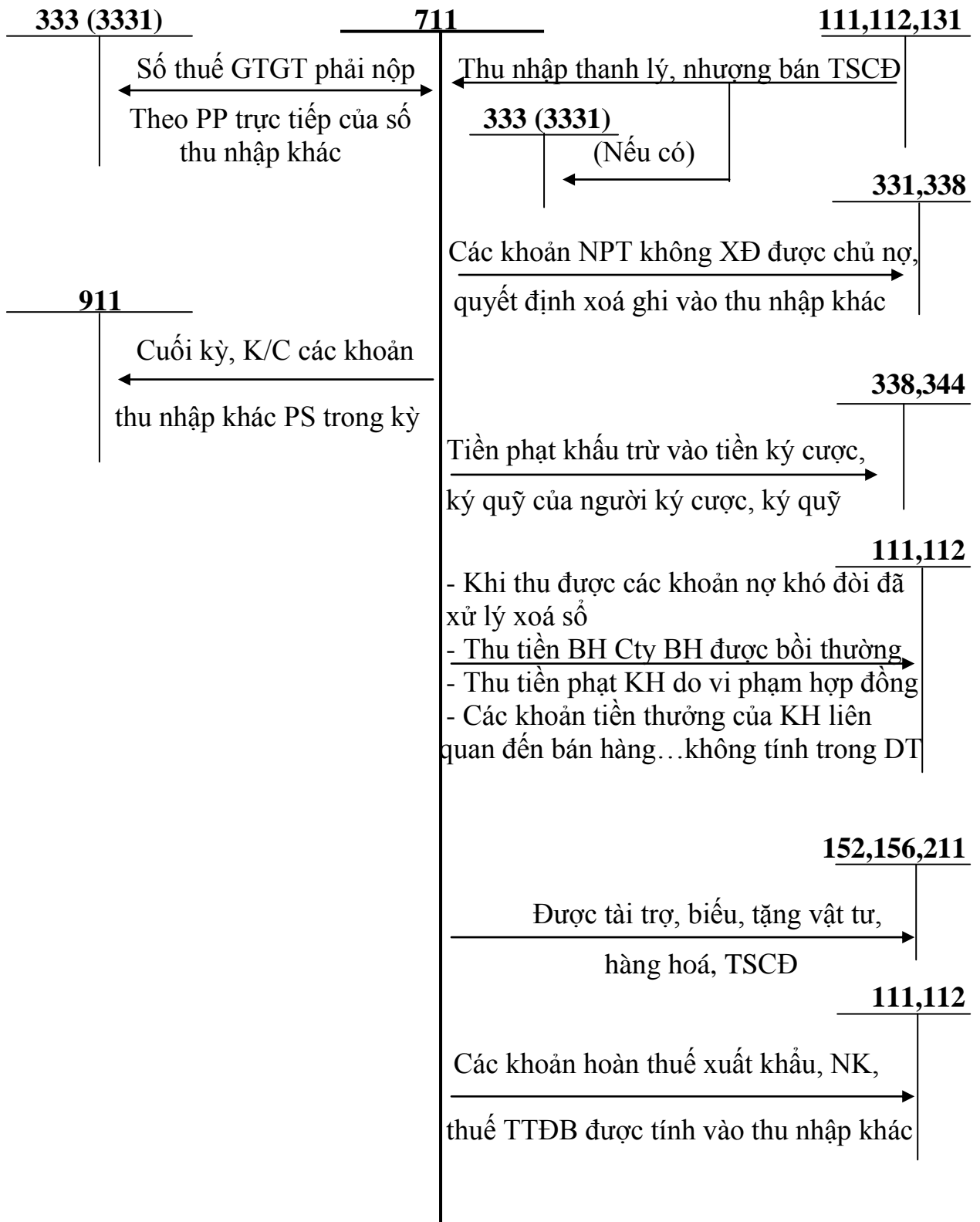
Sơ đồ 1.7: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



❖ **Kế toán doanh thu hoạt động khác.**

Tài khoản sử dụng: TK 711- Thu nhập khác. *(Sơ đồ 1.6)*

Sơ đồ 1.8: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



1.2.2. Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan:

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Khi doanh nghiệp đã lựa chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho nào để áp dụng tại doanh nghiệp, thì phương pháp đó phải được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Đối với các tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, ngoài việc hạch toán tổng hợp còn phải hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí: Phân xưởng, tổ, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ,...

Đối với những chi phí sản xuất, kinh doanh không có khả năng hạch toán trực tiếp vào các đối tượng chịu chi phí như: Chi phí sản xuất chung,... thì phải tập hợp các chi phí này vào tài khoản tập hợp chi phí sau đó tiến hành phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh đã tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu thức phù hợp.

1.2.2.2. Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

❖ Giá vốn hàng bán.

➤ **Chứng từ sử dụng:** Khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT- 3LL)

- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02- GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng, Báo cáo bán hàng
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lý
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

Các chứng từ phải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ thì mới được phép ghi sổ.

- Tài khoản sử dụng: Để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, kế toán sử dụng TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.***

➤ ***Chi phí bán hàng:***

Chi phí bán hàng là các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hoá, dịch vụ như: Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, bảo quản, đóng gói, vận chuyển...; khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng...; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác như quảng cáo, giao dịch, giao hàng, hoa hồng bán hàng...

Về nguyên tắc: Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được tính hết vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ kế toán để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp.***

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp như: Tiền lương và các chi phí tính theo lương của ban giám đốc và nhân viên

quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu đồ dùng cho văn phòng,...; khấu hao TSCĐ, các khoản thuế, phí, lệ phí....

Về nguyên tắc: Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ cũng được tính vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi (Mẫu số 02- TT)

Bảng phân bổ lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)

Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ

.....

- Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, kế toán sử dụng TK 641 “Chi phí bán hàng”, TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

❖ ***Chi phí tài chính.***

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Chi phí khác.***

Chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác.

❖ ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

* Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ Cái TK 811, 821
- Các chứng từ sổ sách khác có liên quan...

Tài khoản 811 “Chi phí khác” và Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

❖ Giá vốn hàng bán.

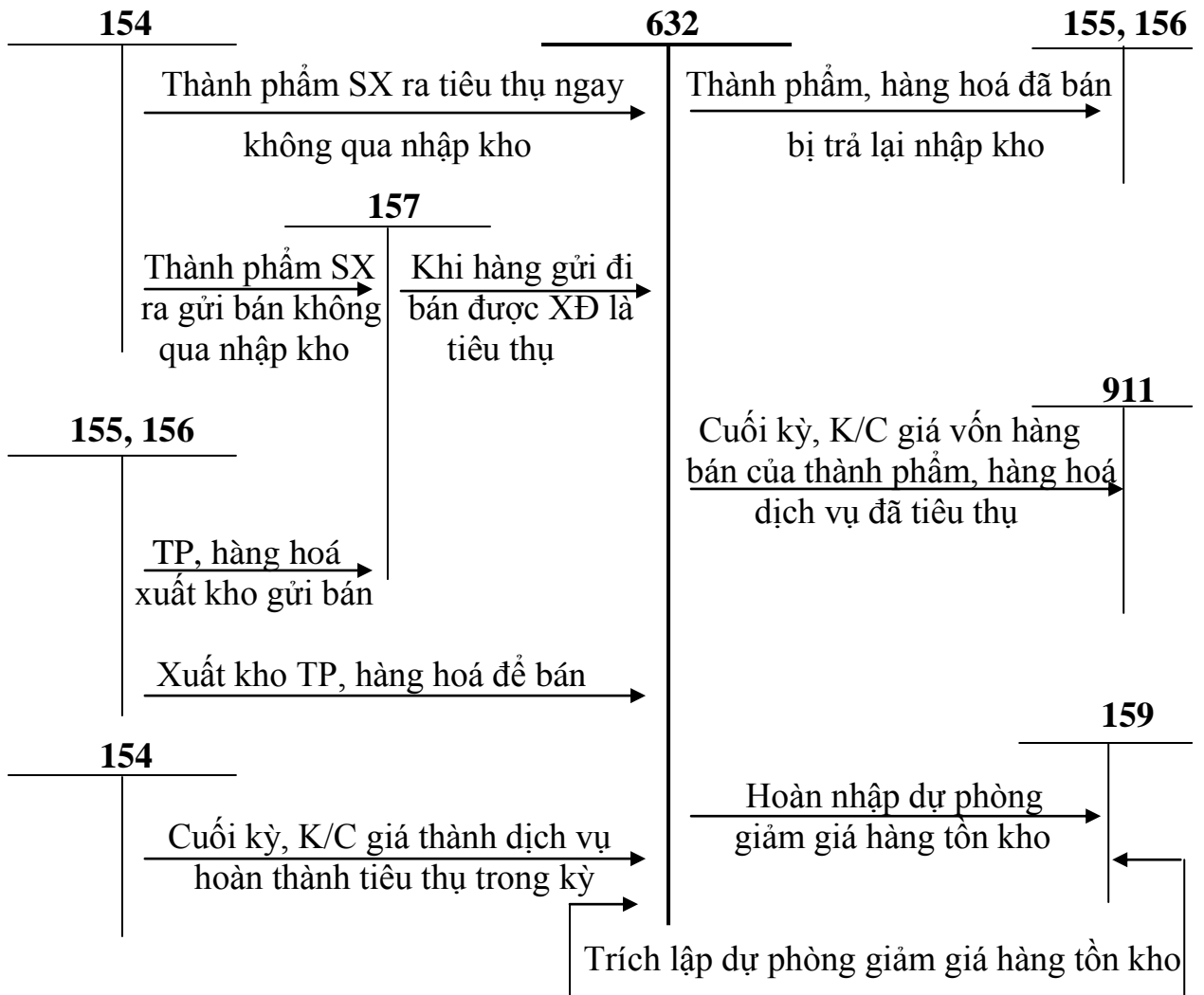
Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán (Sơ đồ 1.9):

Sơ đồ 1.9:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

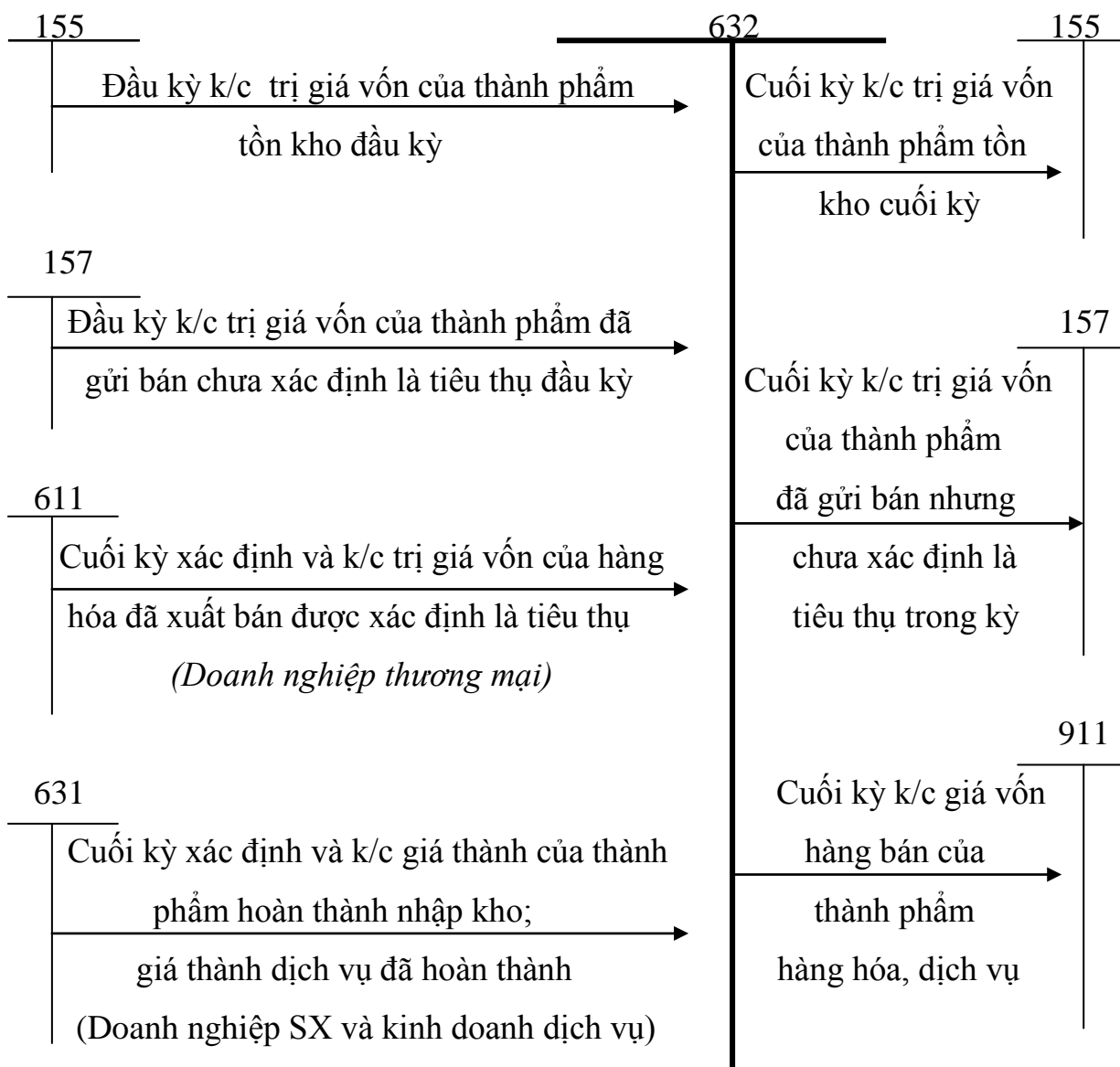
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.10:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



❖ **Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

➤ **Chi phí bán hàng.**

Tài khoản 641- Chi phí bán hàng. TK này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

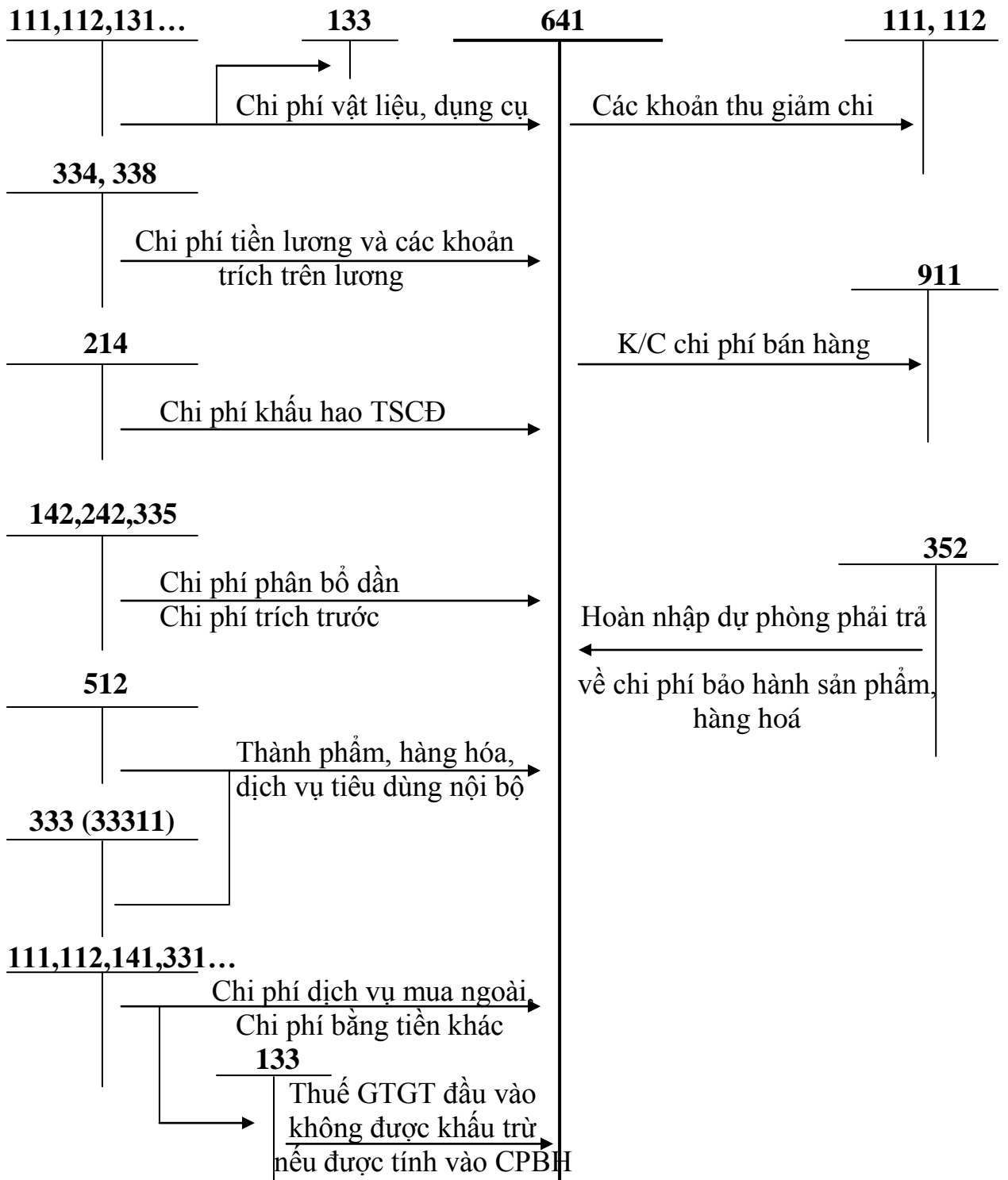
➤ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp.***

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK này có 8 tài khoản cấp 2:

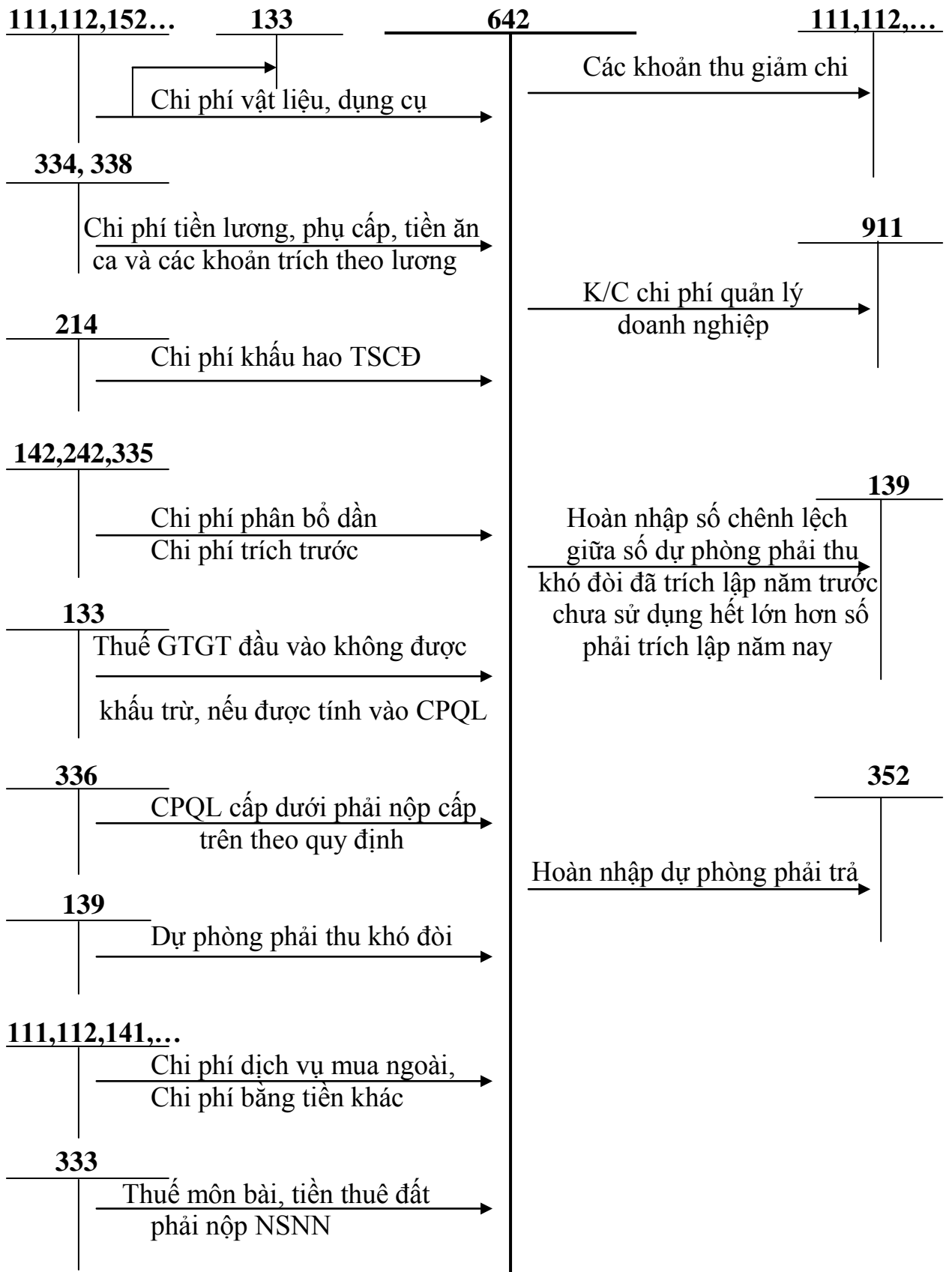
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng (Sơ đồ 1.11), chi phí quản lý doanh nghiệp (Sơ đồ 1.12).

Sơ đồ 1.11: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG



Sơ đồ 1.12: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

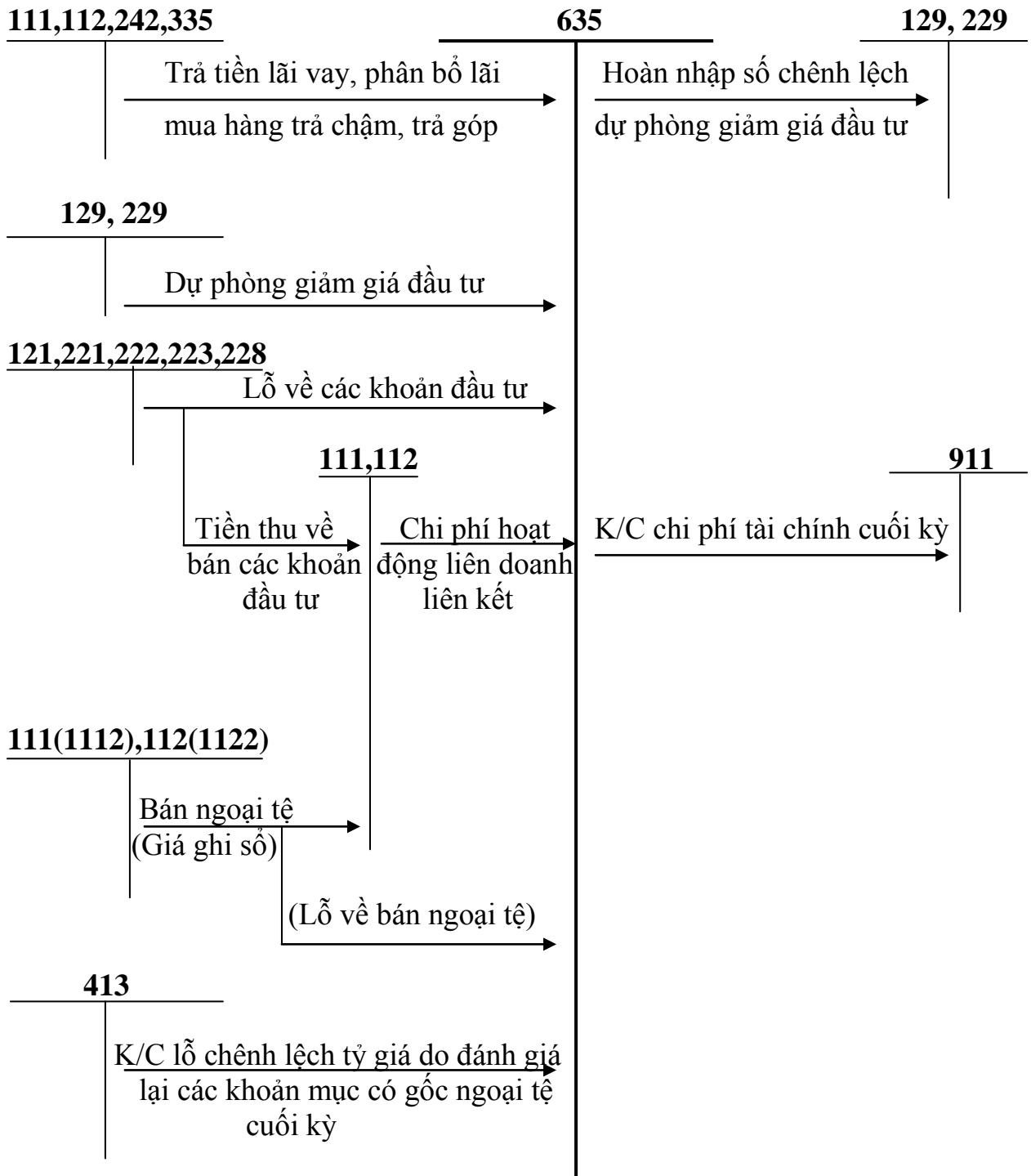


❖ **Chi phí hoạt động tài chính.**

Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính (Sơ đồ 1.13):

Sơ đồ 1.13: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



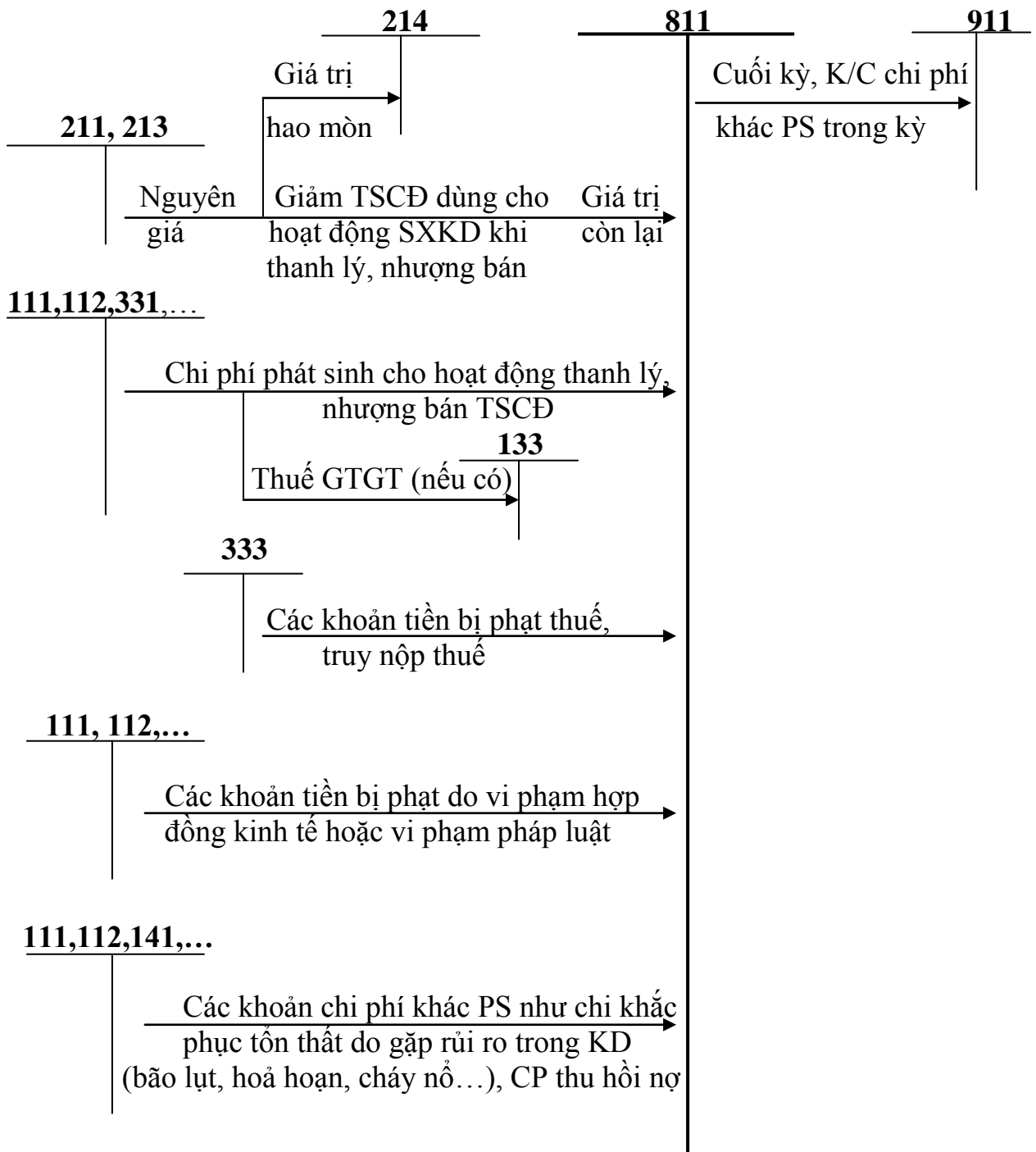
❖ **Chi phí hoạt động khác.**

Tài khoản sử dụng: TK 811, TK 821

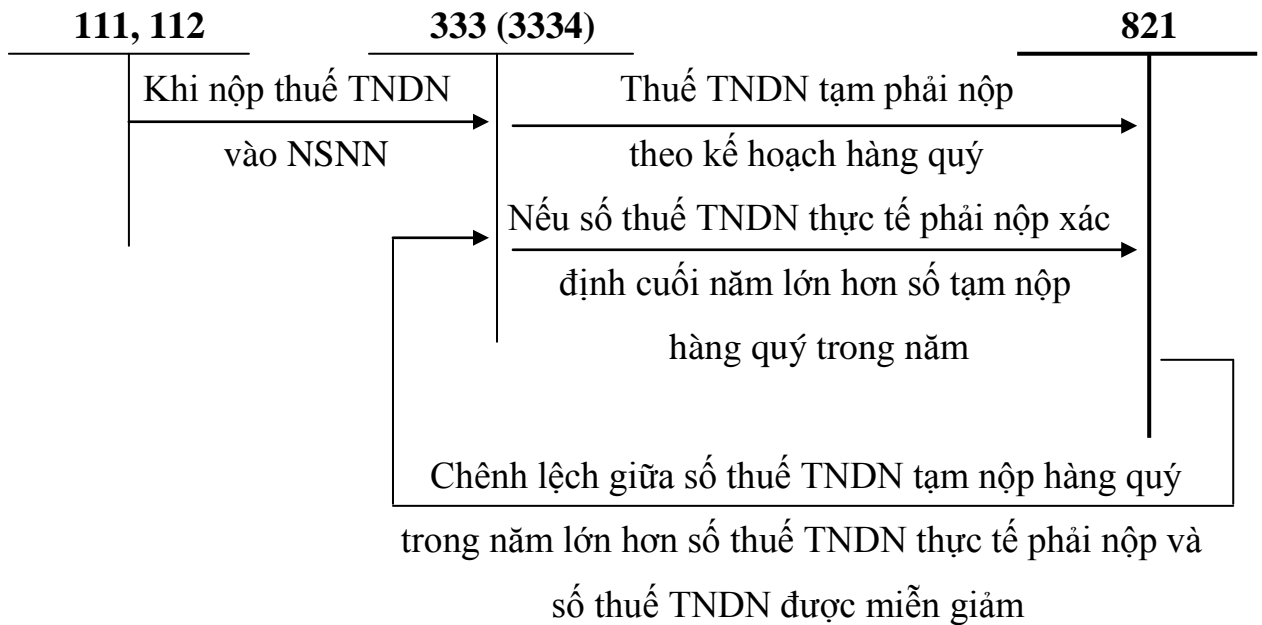
Sơ đồ kế toán: Chi phí khác (Sơ đồ 1.14), Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Sơ đồ 1.15)

Sơ đồ 1.14:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC



Sơ đồ 1.15: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.3. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.1. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.**

Xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hoá, từng loại dịch vụ.

Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

❖ **Hạch toán kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh.**

Khái niệm: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất- kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

❖ **Sổ sách ghi chép:**

- Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (S36- DN)
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ Cái TK 632, 641, 642, 511, 515, 711, 811, 821, 911, 421...

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh:**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

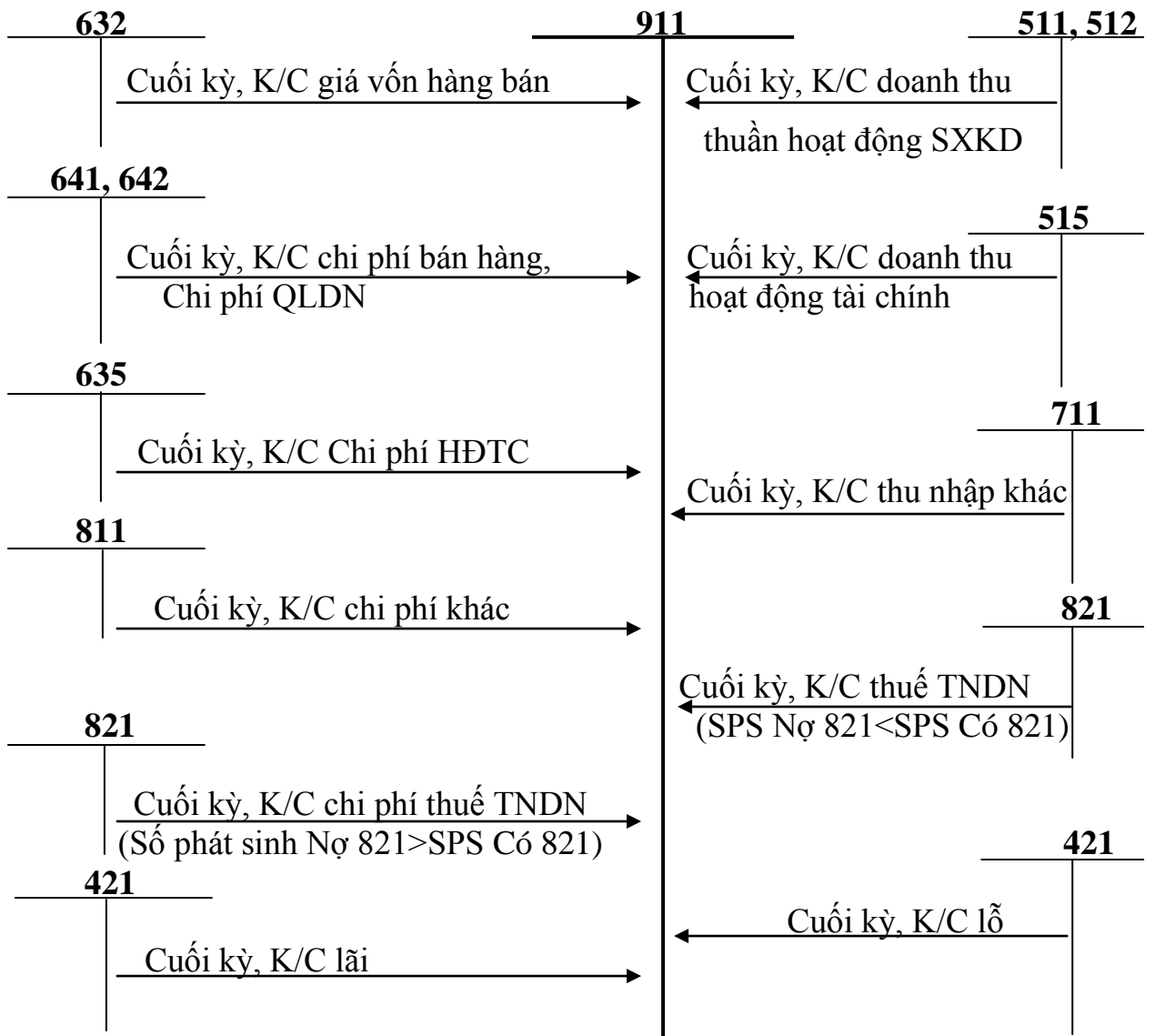
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Hạch toán kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.***

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh
- Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh (Sơ đồ 1.16)

Sơ đồ 1.16: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



1.2.3.2. Hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối

❖ Hạch toán kế toán chi tiết lợi nhuận chưa phân phối

Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh được phản ánh là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh.

● Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ cái TK 421

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối có số dư Nợ hoặc số dư Có

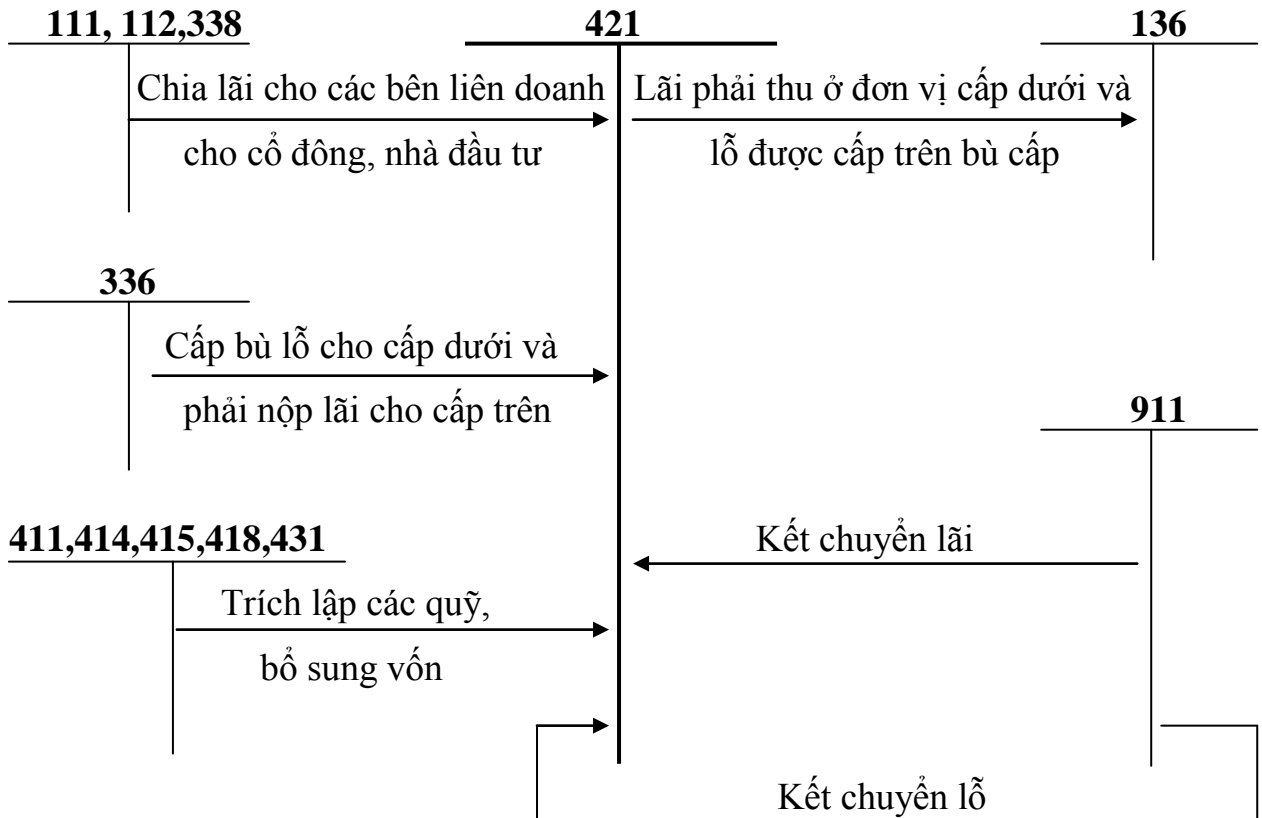
❖ Hạch toán kế toán tổng hợp lợi nhuận chưa phân phối

TK sử dụng: TK 421, Tài khoản này có 2 Tài khoản cấp 2:

- TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sơ đồ kế toán tổng hợp lợi nhuận chưa phân phối (Sơ đồ 1.17)

Sơ đồ 1.17: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI



1.3: Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Các hình thức kế toán:

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ chuyên nghiệp của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.2 Sổ kế toán sử dụng:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung:
 - Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
 - Sổ Cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:
 - Nhật ký – Sổ cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:
 - Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - Sổ Cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ
 - Nhật ký chứng từ ;
 - Bảng kê ;
 - Sổ cái ;
 - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

2.1: Khái quát chung về công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

- ❖ Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
- ❖ Tên giao dịch: Power Transport and Service Joint stock Company
- ❖ Tên viết tắt: POTRACO
- ❖ Địa chỉ: Số 112 Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: (84 - 31) 3836 629
- ❖ Fax: (84 - 31) 3765 696
- ❖ E - mail: dienluc@potraco.com.vn
- ❖ Website: www.potraco.com.vn
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 30 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 12 năm 2008.
- ❖ Vốn điều lệ: 47.000.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ đồng).

2.1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực ngày nay, tiền thân là Ban giao nhận Hải Phòng trực thuộc Cục điện lực - Bộ Công nghiệp nặng được thành lập từ những năm 1970. Nhiệm vụ của Ban giao nhận Hải phòng là tiếp nhận vận chuyển hàng hoá nhập khẩu của Liên Xô và các nước XHCN viện trợ cho Việt Nam xây dựng và sửa chữa các nhà máy điện lực như: Nhà máy điện Vinh, nhà máy điện Cửa Cấm - Hải Phòng, nhà máy điện Yên Phụ- Hà Nội, nhà máy điện Ưông Bí... Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được thống nhất với chủ

trương diện đi trước một bước, ngành điện Việt Nam phát triển mạnh mẽ nên Ban giao nhận được Cục điện lực quyết định và nâng cấp thành Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển điện và than - trụ sở đặt tại số 4 Cù Chính Lan, Hải Phòng.

Thực hiện chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trước sự lớn mạnh của ngành Công nghiệp Việt Nam, Bộ điện và than được tách ra thành 02 bộ gồm Bộ điện lực và Bộ mỏ & than. Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển điện và than cũng được tách ra thành lập 02 xí nghiệp mới : Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển than trực thuộc Công ty than Hòn Gai- Bộ mỏ & than và Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển điện lực trực thuộc Công ty vật tư- Bộ điện lực(tại quyết định số 51ĐL/TCCB-LĐ ngày 26/8/1981 của Bộ trưởng bộ điện lực). Kể từ đó Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển lấy ngày thành lập là ngày truyền thống 26/8/1981.

Đến năm 1987 Công ty vật tư giải thể, Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển được nhập về công ty điện lực I tại QĐ số 18/ĐL-TCCB ngày 17/01/1987 của Bộ trưởng Bộ Điện lực.

Với chủ trương của Đảng và Chính phủ các doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc gia, tại ND 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ, Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển được thành lập lại tại QĐ số 506NL/TCCB- LĐ ngày 30/6/1993 của Bộ trưởng Bộ năng lượng (Bộ điện lực được đổi tên thành Bộ năng lượng).

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, chủ trương của Đảng là áp dụng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển đã được cổ phần hoá tại QĐ số 250/2003/QĐ-BCN ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp và được đổi tên thành Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực (viết tắt là POTRACO). Công ty đã thông qua điều lệ và phương án SXKD tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 30/3/2004, vốn điều lệ của Công ty là: 13,9 tỷ đồng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2007, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 13,9 tỷ đồng lên 47 tỷ đồng, theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần đại lý liên hiệp

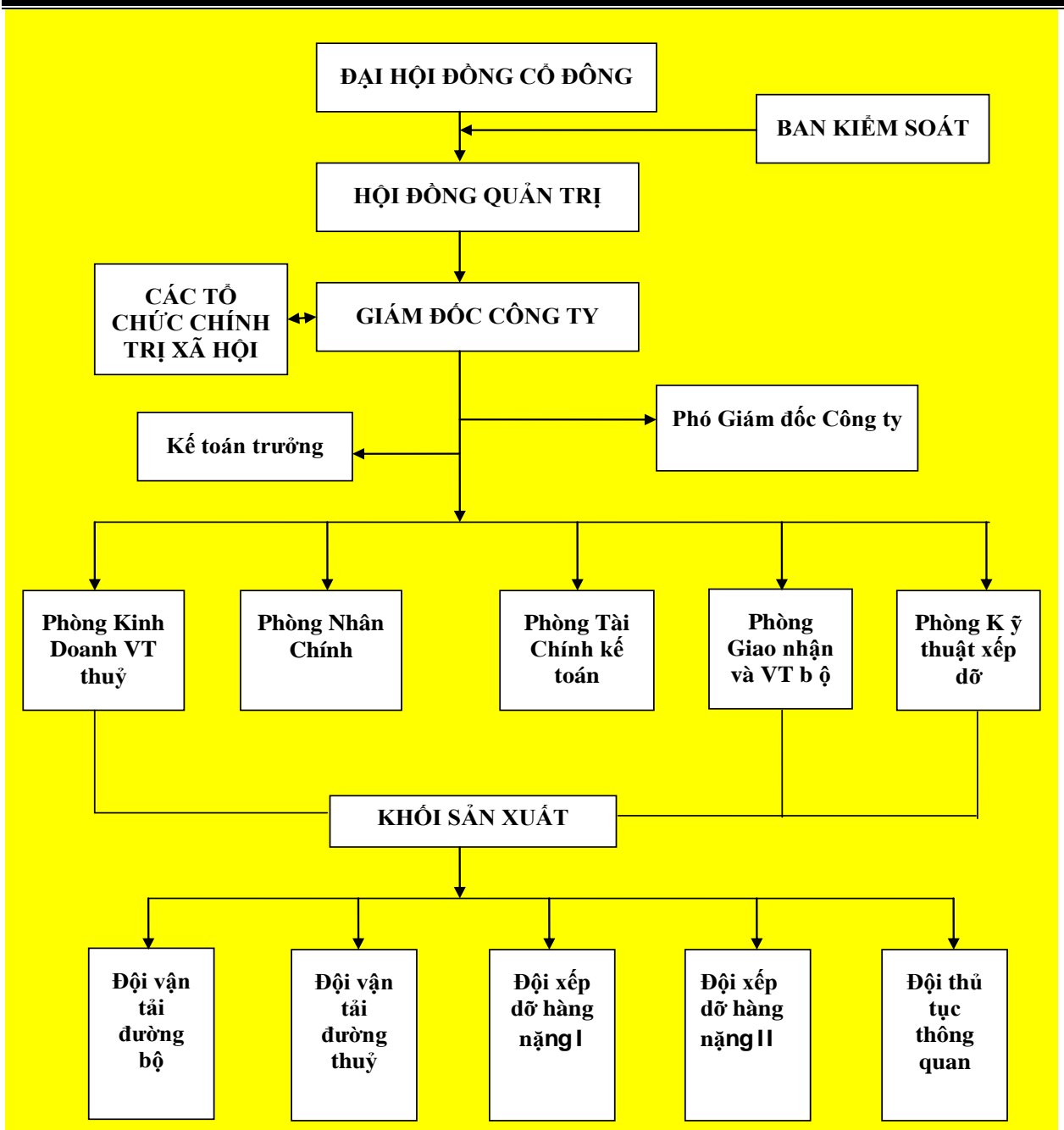
vận chuyên (GEMADEPT) để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và mở rộng ngành nghề.

POTRACO đã đăng ký với UBCKNN và trở thành công ty đại chúng ngày 25/06/2007. Tháng 04/2010, Công ty tiến hành nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

2.1.2: Đặc điểm dịch vụ, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Điện lực

- Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước.
- Vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyên, xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng
- Gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp
- Kinh doanh vật tư, thiết bị điện dân dụng và công nghiệp,
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xây lắp lưới điện đến cấp điện áp 110KV.
- Bán ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

2.1.3.: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của POTRACO

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.

b. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 3 thành viên là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ làm việc tương đương nhiệm kỳ HĐQT.

d. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc (GD) Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 5 năm, gồm 3 thành viên: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc là người đại diện và chịu trách nhiệm cao nhất của Công ty trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị, khách hàng, nhà cung cấp về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

e. Phòng Nhân Chính Tham mưu giúp giám đốc Công ty quản lý công tác hành chính, văn thư, lưu trữ trong Công ty, quản trị các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, công tác an toàn bảo hộ lao động

f. Phòng kinh doanh tổng hợp và vận tải thủy

Tham mưu giúp Giám đốc Công ty quản lý công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng toàn Công ty, quản lý công tác vận tải thủy.

g. Phòng Tài chính kế toán

Tham mưu, giúp Giám đốc Công ty về công tác quản lý kinh tế tài chính, hạch toán kế toán toàn Công ty.

h. Phòng Giao nhận và vận tải bộ

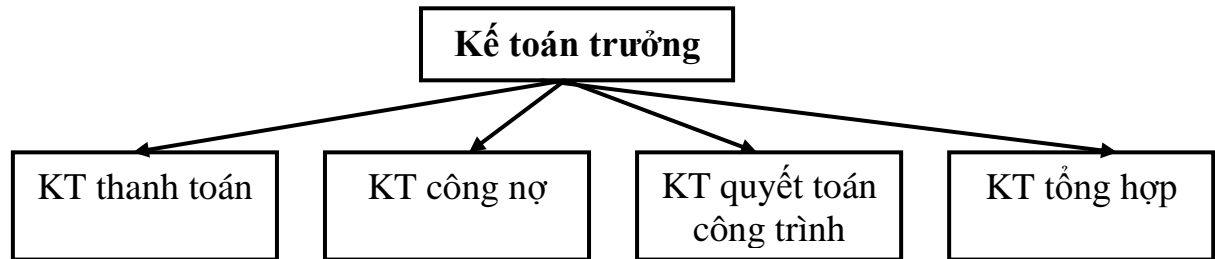
Tham mưu giúp Giám đốc Công ty quản lý công tác tiếp nhận, bảo quản vật tư nhập khẩu toàn Công ty và điều hành vận tải ô tô.

i. Phòng kỹ thuật xếp dỡ

Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành các công việc xếp dỡ vận chuyên các MBA, các kiện hàng siêu trường, siêu trọng.

2.1.4: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

2.1.4.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

* Kế toán trưởng:

Là người giúp giám đốc quản lý hoạt động tài chính, cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lựa chọn các hình thức sổ sách phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công tác tài chính kế toán của công ty.

* Các kế toán viên:

Thực hiện mọi công tác kế toán từ việc thu nhận, xử lý chứng từ luận chuyên ghi sổ, tổng hợp, thông báo số liệu kế toán thống kê cho các phòng ban phụ thuộc khác. Mỗi kế toán viên phụ trách một phần hành kế toán riêng, bao gồm Kế toán thanh toán, kế toán công nợ, kế toán quyết toán công trình, kế toán tổng hợp

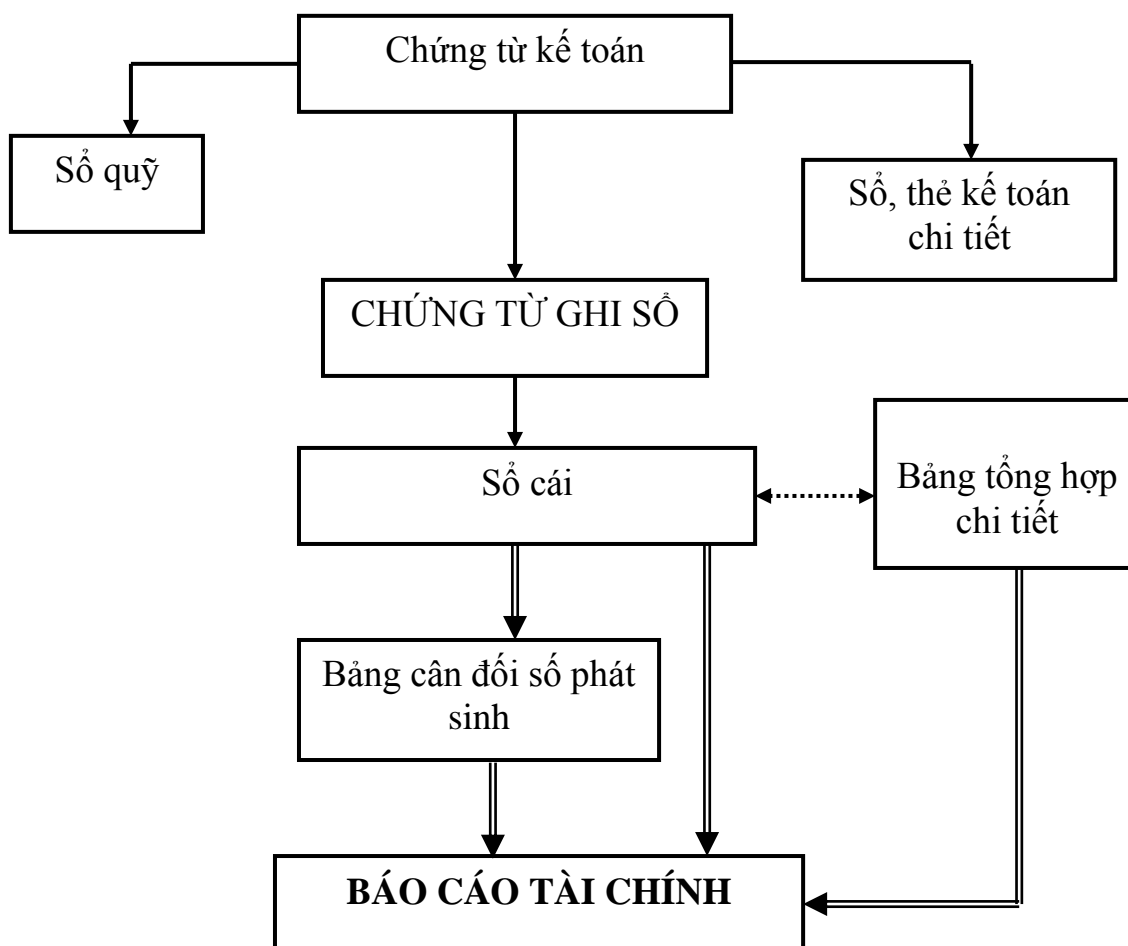
2.1.4.2: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung tức là chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kế toán tại công ty.
- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Hiện nay, công ty đang vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Hình thức ghi sổ kế toán: “Chứng từ ghi sổ”
- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng

2.1.4.3: Quy trình hạch toán kế toán:



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đôi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Quy trình sơ đồ luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau:

➤ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan

➤ Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh

➤ Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

2.1.5. Tình hình và kết quả hoạt động SXKD của công ty trong 3 năm gần đây

Biểu 2.1: Cơ cấu doanh thu năm 2008, 2009 và quý I/2010

Đơn vị tính: đồng

| Sản phẩm/Dịch vụ | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Quý I/2010 | |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Doanh thu | Tỷ trọng (%) | Doanh thu | Tỷ trọng (%) | Doanh thu | Tỷ trọng (%) |
| Giao nhận, bảo quản và vận tải ô tô | 3.108.245.987 | 3,69 | 4.355.513.976 | 6,24 | 501.264.814 | 9,50 |
| Kinh doanh vận tải thủy | 2.346.747.891 | 2,78 | 1.211.415.873 | 1,74 | | |
| Xếp dỡ hàng nặng | 15.629.503.789 | 18,55 | 15.392.396.604 | 22,05 | 2.621.640.763 | 49,70 |
| Công tác đại lý, thuê ngoài | 63.198.089.651 | 74,98 | 48.859.929.076 | 69,97 | 2.151.607.184 | 40,79 |
| Tổng Dthuần | 84.282.587.318 | 100 | 69.819.255.529 | 100 | 5.274.512.761 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008,2009 và BCTC quyết toán Q1/201

Biểu 2.2 : Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008,2009 và quý I/2010

Đơn vị tính: đồng

| Sản phẩm/Dịch vụ | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Quý I/2010 | |
|-------------------------------------|----------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) |
| Giao nhận, bảo quản và vận tải ô tô | 316,852,494 | 2,71 | 412,505,013 | 4,15 | 68.480.940 | 2,69 |
| Kinh doanh vận tải thủy | 131,700,794 | 1,12 | 100,316,395 | 1,01 | | |
| Xếp dỡ hàng nặng | 5,595,330,390 | 47,74 | 4,786,760,803 | 48,13 | 874.170.058 | 36,70 |
| Công tác đại lý, thuê ngoài | 5,675,547,931 | 48,43 | 4,645,901,678 | 46,71 | 265.977.838 | 58,64 |
| LN gộp | 11.719.431.609 | 100 | 9.945.483.889 | 100 | 1.208.628.836 | 100 |
| Tỷ lệ LN gộp/doanh thu | 13,9% | | 14,2% | | 22,9% | |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008,2009 và BCTC quyết toán Q1/2010

Năm 2009, hoạt động kinh doanh của Potraco tuy không có sự tăng trưởng cao, nhưng cũng đã thể hiện sự nỗ lực của toàn thể Công ty. Do ảnh hưởng của khủng hoảng nền kinh tế toàn cầu, các yếu tố đầu vào và đầu ra đều biến động dẫn đến mức doanh thu năm 2009 giảm so với 2008. Tuy vậy, ban lãnh đạo công ty đã lường trước và đặt ra mức kế hoạch khiêm tốn để có thể đạt được. Doanh thu năm 2009 là 69.819.255.529 đồng đạt 101% so với kế hoạch năm 2009. Lợi nhuận gộp năm 2009 là 9.945.483.889.

Năm 2010, kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hồi phục sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, 2009. Vì vậy, tình hình kinh doanh của Potraco hứa hẹn có nhiều thuận lợi và tăng trưởng tốt. Kết quả kinh doanh của quý I/2010 rất khả quan, với mức lợi nhuận gộp là 22,9%, tăng 61,2% so với lợi nhuận gộp năm 2009.

2.2: Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

2.2.1: Đặc điểm về dịch vụ của công ty

Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực POTRACO là đơn vị kinh doanh dịch

vụ kho bãi, vận tải đường thủy, đường bộ; vận chuyên, xếp dỡ hàng Siêu trường, siêu trọng.

➤ Dịch vụ kho bãi:

Potraco có hệ thống kho bãi hoàn chỉnh với các trang thiết bị báo cháy, phòng cháy chữa cháy đồng bộ, sân bãi bê tông hóa hơn 20.000 m², đảm bảo yêu cầu lưu kho của các vật tư thiết bị, container và các loại hàng hóa.

➤ Vận tải đường thủy, đường bộ:

Potraco có đoàn phương tiện xe vận tải đường bộ có thể huy động vận chuyên 500 tấn /ngày đêm gồm 25 xe vận tải hàng rời, container; 10 xe mooc chuyên dùng tải trọng 25-60 tấn/ chiếc và đoàn sà lan với năng lực vận chuyên 4.500 tấn gồm 18 sà lan chuyên dùng tải trọng 250 tấn/chiếc; 02 sà lan bông tông 600-1000 tấn, cùng với đội ngũ lái xe, thợ máy, thuyền trưởng và thuyền viên có chuyên môn cao và nhiều năm kinh nghiệm. Các công trình tiêu biểu Công ty đã thực hiện: khu công nghiệp Nomora - Sài Đồng, nhà máy sứ Phú Thụy, Honda Mê Linh - Vĩnh Phú, nhà máy xi măng Tuyên Quang, Uông Bí, Lương Sơn, Bút Sơn, Chinfon, ...

➤ Vận chuyên, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng:

Với các trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng, các phương tiện vận chuyên hiện đại: Platfooc tải trọng 150 tấn, mooc trailer trọng tải 612 tấn (18 trục) có thể phục vụ hoàn hảo công tác xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng có kích thước, trọng lượng lớn trong điều kiện địa hình phức tạp. Các dự án nhà máy điện tiêu biểu: Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1, Nhà máy Nhiệt Điện Hải Phòng, Nhà máy Nhiệt Điện Quảng Ninh, thủy điện Hoà Bình, các công trình cải tạo đường dây và trạm 110KV-220KV, đường dây 500KV Bắc Nam mạch 1 & mạch 2 của tập đoàn điện lực Việt Nam,

2.2.2: Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực

Trong năm 2010, kế toán doanh thu của công ty chỉ phát sinh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác

2.2.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước
- TK 131: Phải thu của khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo Có, lệnh chuyển Có.....
- Và các chứng từ khác có liên quan

➤ Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái Tài khoản 511, 333, 111, 112, 131....
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra
- Sổ chi tiết bán hàng
- Các sổ sách có liên quan khác

➤ Quy trình hạch toán

Với các hoạt động cung ứng dịch vụ, kế toán căn cứ vào các hợp đồng kinh tế về cung ứng dịch vụ để làm quyết toán công trình và viết hoá đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn

Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

Liên 3: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

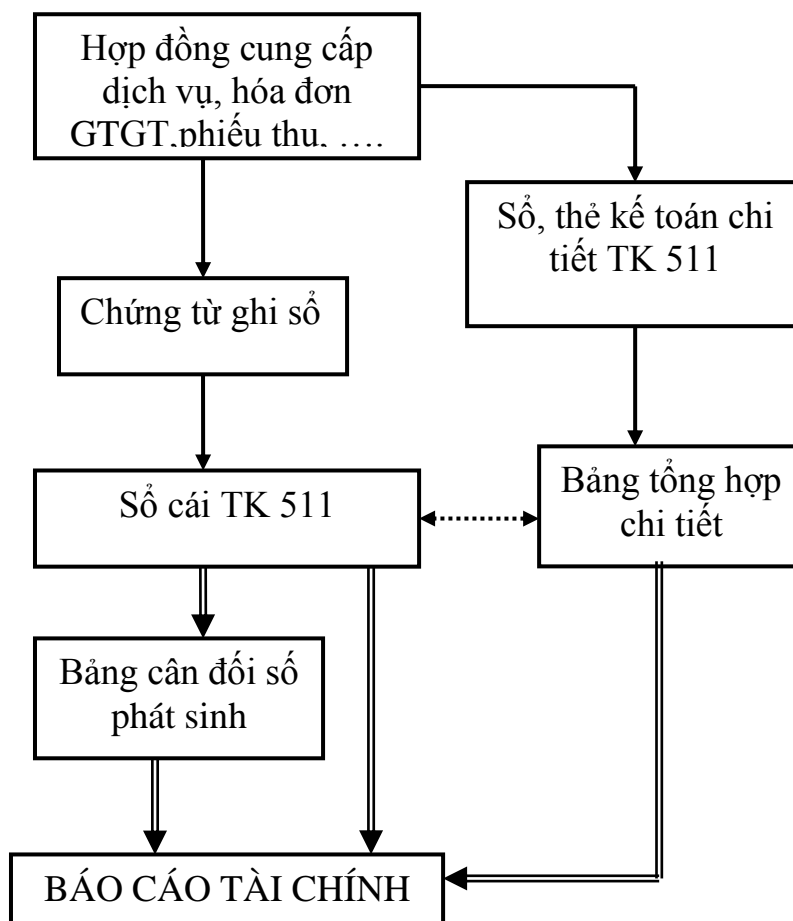
Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

Kế toán sẽ định khoản như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

➤ Ví dụ minh họa

Làm thủ tục thông quan, tiếp nhận, bốc xếp vận chuyển vật tư thiết bị của công trình TBA 500kV Quảng Ninh, MR trạm 500kV Thường Tín và DP lưới 500kV cho Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, theo giá trị hợp đồng cả thuế VAT là 1.551.548.900

Kế toán định khoản cho nghiệp vụ này như sau:

Nợ TK 131 : 1.551.548.900

Có TK 511 : 1.410.499.000

Có TK 3331: 141.049.900

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 511.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 135 HDDKT/ AMB-POTRACO

**LÀM THỦ TỤC TIẾP NHẬN, BỐC XẾP, VẬN CHUYỂN VTTB ĐƯA
TỪ GA, CẢNG VỀ KHO CỦA BÊN B (POTRACO) TẠI HẢI PHÒNG ĐỂ
BẢO QUẢN, KIỂM Đếm CẤP PHÁT TẠI KHO**

**Công trình: TBA 500kV Quảng NINH, MR trạm 500kV Thường Tín &
DP lưới 500kV; HĐ nhập khẩu số: 0801/500QN-196**

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/06/2005

- Căn cứ Nghị định số 16/2005 NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003, nghị định số 12/2009/NĐ ngày 12/02/2009 và nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật xây dựng

- Căn cứ quyết định số 4297/QĐ-AMB ngày 24/12/2010 của ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc V/v phê duyệt dự toán cho công trình trên

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2010, tại Hà Nội, chúng tôi gồm :

**1/ ĐẠI DIỆN BÊN A: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH
ĐIỆN MIỀN BẮC**

Đại diện là : Ông Phan Lương Thiện Chức vụ: Trưởng ban

Tài khoản số : 21110000005367

Mở tại : Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 1111D Đường Hồng Hà- Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại : 04-22103063

Fax: 04-39840824

Mã số thuế : 0102743068001

**2/ ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
ĐIỆN LỰC (POTRACO)**

Đại diện là : Ông Trần Xuân Tường

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 701270406000326

Mở tại : Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương-CN Hải Phòng

Địa chỉ : 112 Đường Ngô Quyền - Q. Ngô Quyền - TP Hải Phòng

Điện thoại : 031.2213610

Fax: 031.3765696

Mã số thuế : 0100100417-032

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế theo các điều khoản sau đây:

Điều I: Khối lượng - Giá trị - Thời hạn

1. Khối lượng công việc: Bên A nhất trí giao, Bên B đồng ý nhận:

Làm thủ tục thông quan, tiếp nhận, bốc xếp, vận chuyển vật tư thiết bị của công trình TBA 500kV Quảng Ninh, MR trạm 500kV Thường Tín & DP lưới 500kV nhập qua cảng Hải Phòng và sân bay Nội Bài (Theo DD nhập khẩu số 0801/500QN-196) đưa về kho POTRACO tại Hải Phòng để bảo quản, kiểm đếm và cấp phát hàng lên phương tiện vận chuyển của bên A tại kho. Tổng trọng lượng hàng nhập là: 1.013, 029 tấn

2. Giá trị hợp đồng

Là giá trị dự toán đã được phê duyệt theo Quyết định số 4297/QĐ-AMB ngày 24 tháng 12 năm 2010. Số tiền (cả thuế VAT) là 1.551.548.900 đồng

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm năm mươi một triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm đồng

3. Địa điểm giao và nhận hàng

- Nơi tiếp nhận hàng: Tại Cảng Hải Phòng và sân bay Nội Bài

- Nơi bảo quản hàng: Tại kho bãi số 112 đường Ngô Quyền- Hải Phòng
- Nơi giao hàng: trên phương tiện vận chuyển của đơn vị xây lắp đến nhận tại kho bãi số 112 đường Ngô Quyền- TP Hải Phòng

4. Thời gian hoàn thành

Theo tiến độ hàng nhập về Cảng và theo yêu cầu giao hàng của bên A

Điều II: Phương thức và điều kiện thanh toán

2.1: Thanh toán: theo hình thức chuyển khoản 100%

2.2: Hồ sơ thanh toán

- Biên bản đối chiếu vật tư đã hoàn thành
- Bản quyết toán giá trị thanh toán
- Biên bản thanh lý hợp đồng và Hóa đơn tài chính hợp lệ
- Các chứng từ thanh toán kèm theo

2.3: Giá trị quyết toán: Là giá trị được duyệt theo quyết định phê duyệt số 4297/QĐ-AMB ngày 24/12/2010 của Ban QL DACCTĐ miền Bắc

2.4: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi giá cước của Nhà Nước thì hai bên áp dụng phù hợp theo quy định hiện hành

2.5: Sau 20 ngày kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán thì trả hết tiền cho bên B

Điều III: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm bên A:

3.1.1- Đảm bảo đầy đủ thủ tục nhận hàng và chứng từ hàng hóa hợp lệ, ủy quyền cho bên B làm tiếp nhận VTTB tại Cảng Hải Phòng và sân bay Nội Bài

3.1.2- Thông báo cho bên B bằng văn bản trước 3 đến 5 ngày kể từ ngày hàng về đến cảng để bên B chủ động có kế hoạch tiếp nhận hàng. Dự kiến kế hoạch giao hàng và cấp lệnh giao hàng đúng số lượng, trọng lượng cho POTRACO thực hiện theo tiến độ của các đơn vị xây lắp để bên B giao hàng được chính xác

3.1.3- Chịu trách nhiệm thanh toán phạt tiền lưu kho lưu bãi cảng do lỗi của bên A gây ra

3.1.4- Cử cán bộ đủ thẩm quyền có mặt tại cảng và tại kho của POTRACO để giám sát khối lượng và tình trạng hàng hóa trong quá trình tiếp nhận và đưa về kho kiểm đếm, bảo quản, cấp phát

3.1.5- Tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành cho bên B

3.1.6- Chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán cho dự án

3.1.7- Thanh toán cho bên B theo **điều II**

3.1.8- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi giá cước của Nhà nước thì hai bên áp dụng phù hợp theo quy định hiện hành

3.1.9- Sau 20 ngày kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ quyết toán thì trả hết tiền cho bên B

2. Trách nhiệm bên B

3.2.1- Làm đầy đủ các thủ tục, bố trí nhân lực và phương tiện đủ điều kiện để sẵn sàng tiếp nhận, kiểm đếm, bảo quản VTTB tại Cảng, kho cũng như vận chuyển VTTB do bên A giao, chịu trách nhiệm an toàn cho người và thiết bị, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và an toàn vệ sinh môi trường do đơn vị mình đảm nhiệm

3.2.2- Nhân hàng tại Cảng và sân bay, giao hàng cho bên A tại kho POTRACO (trên phương tiện của đơn vị xây lắp do bên A chỉ định) theo số lượng kiện hàng đã được đóng gói kèm theo xác nhận tình trạng bên ngoài của kiện hàng

3.2.3- Đảm bảo tiếp nhận hàng tại cảng và vận chuyển về kho POTRACO bảo quản tuyệt đối an toàn, đúng tiến độ theo điều I của hợp đồng này

3.2.4- Chịu trách nhiệm thanh toán tiền lưu kho bãi quá hạn nếu do lỗi của bên B gây ra

3.2.5- Trường hợp bên B để xảy ra mất mát hư hỏng vật tư thiết bị do lỗi của bên B (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của

hai bên) thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị hàng hóa bị thiệt hại và các chi phí khác có liên quan

3.2.6- Làm đầy đủ mọi thủ tục tổn thất về hàng hóa với các cơ quan giám định và gửi ngay cho Bên A trong thời gian hạn định khiếu nại, đòi bồi thường

3.2.7- Tổ chức bảo vệ, bảo quản VTTB an toàn trong quá trình giao nhận, bốc xếp bảo quản cấp phát tại kho, cảng

3.2.8- Bên B không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho Bên thứ ba mà không có sự thỏa thuận của Bên A

3.2.9- Lập đầy đủ chứng từ và hồ sơ thanh toán theo điều 2.2 và theo quy định hiện hành của Nhà nước

Điều V: Điều khoản chung

5.1- Những vi phạm hợp đồng của bất kỳ bên nào do nguyên nhân khách quan nằm ngoài khả năng kiểm soát của hai bên đều được xem là bất khả kháng như mưa bão, lũ lụt. ảnh hưởng khách quan do bên thứ Ba gây nên, thay đổi về các chính sách. Bên gặp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng 12 giờ kể từ khi gặp bất khả kháng. Nếu quá thời hạn trên mà không thông báo sẽ không được xem là bất khả kháng và được xem là vi phạm hợp đồng

5.2- Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác tương trợ để đi đến thống nhất bằng văn bản. Mọi sự thay đổi về nội dung của hợp đồng này đều phải được thỏa thuận bằng văn bản được chấp thuận bởi cả hai bên. Các văn bản này được xem như là một điều khoản bổ sung cho hợp đồng này

5.3- Mọi tranh chấp nếu không đi đến thỏa thuận sẽ được đưa ra tòa kinh tế thành phố Hà Nội phán xử. Quyết định của tòa kinh tế thành phố Hà Nội phán xử là quyết định cuối cùng để bắt buộc hai bên chấp hành, mọi chi phí liên quan đều do bên thua chịu

Hợp đồng này được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 130

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--|-------------------|------|---------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Doanh thu thực hiện công trình cho Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc | 131 | 511 | 1.410.499.000 | |
| | 131 | 3331 | 141.049.900 | |
| Cộng | | | 1.551.548.900 | |

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.3: Chứng từ ghi sổ số 130

Khóa luận tốt nghiệp – Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

**Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng**

**Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|---|--------------------|---------------|---------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 14/12 | 98 | 14/12 | Doanh thu VC kiện 151T từ Cảng HP-NM Đạm Ninh Bình | 112 | | 1.242.728.189 |
| 25/12 | 130 | 25/12 | Doanh thu thực hiện công trình cho ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc | 131 | | 1.410.499.000 |
| 31/12 | 146 | 31/12 | K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 911 | 2.653.227.189 | |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 2.653.227.189 | 2.653.227.189 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.4: Sổ cái TK 511 tháng 12/2010

2.2.2.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để lập Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 515, TK 112...

➤ Tài khoản sử dụng

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

➤ Sổ sách, chứng từ sử dụng

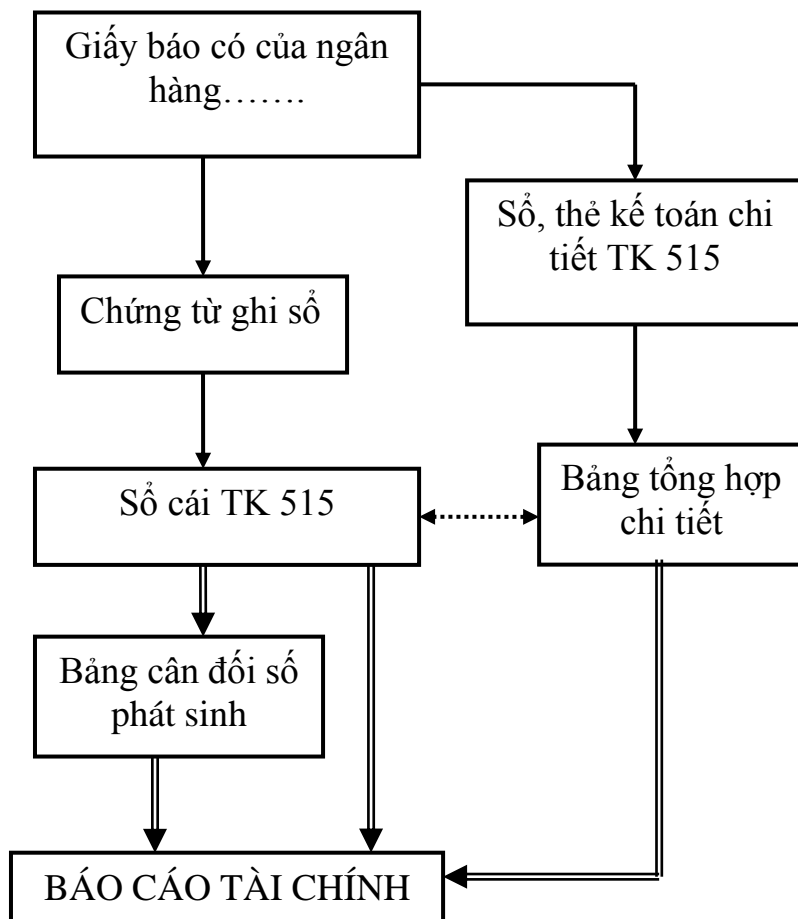
- Giấy báo có

- Các chứng từ khác có liên quan

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 515

➤ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

➤ Ví dụ minh họa

Ngày 04/12/2010, Công ty nhận được giấy báo lãi tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng Sài Gòn Công Thương, số tiền là 71.013.690

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 71.013.690

Có TK 515 : 71.013.690

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 515.....

| | | |
|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| NH Sài Gòn Công Thương | HOAT ĐỘNG TÀI KHOẢN | STT : 15 Trang 1 |
| Ma số thuế: | | Ngày giao dịch :2010-12-04 |
| Số tài khoản: | 701270406000326 | Nguyen te: VND |
| Tên tài khoản: | Cty CP Van tai va DV dien luc | |

| SCT | Phat sinh No | Phat sinh Co | So du | Noi dung |
|------------------------------|---------------------|---------------------|---------------|-----------------------------------|
| 7012704- 20041164 | | 71.013.690 | 3.655.142.000 | LAI TIEN GUI CO KY HAN |

So du dau : 3.655.142.000

Phat sinh : 0 71.013.690

So du cuoi : 3.726.155.690

Thanh toan vien

(Nguồn phòng kế toán)

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 17

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--|-------------------|-----|-------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 112 | 515 | 71.013.690 | |
| Công ty điện khí Đông Phương trả phí lưu kho bãi công trình Hải Phòng II | 112 | 131 | 61.868.182 | |
| Cộng | | | 132.881.872 | |

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.5: Chứng từ ghi sổ số 17

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | |
| 04/12 | 17 | 04/12 | Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 112 | | 71.013.690 |
| 24/12 | 126 | 24/12 | Nhận lãi tiền gửi ngân hàng | 112 | | 924.552 |
| 31/12 | 146 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 911 | 105.390.134 | |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 105.390.134 | 105.390.134 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.6: Trích sổ cái TK 515 tháng 12/2010

2.2.2.3: Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

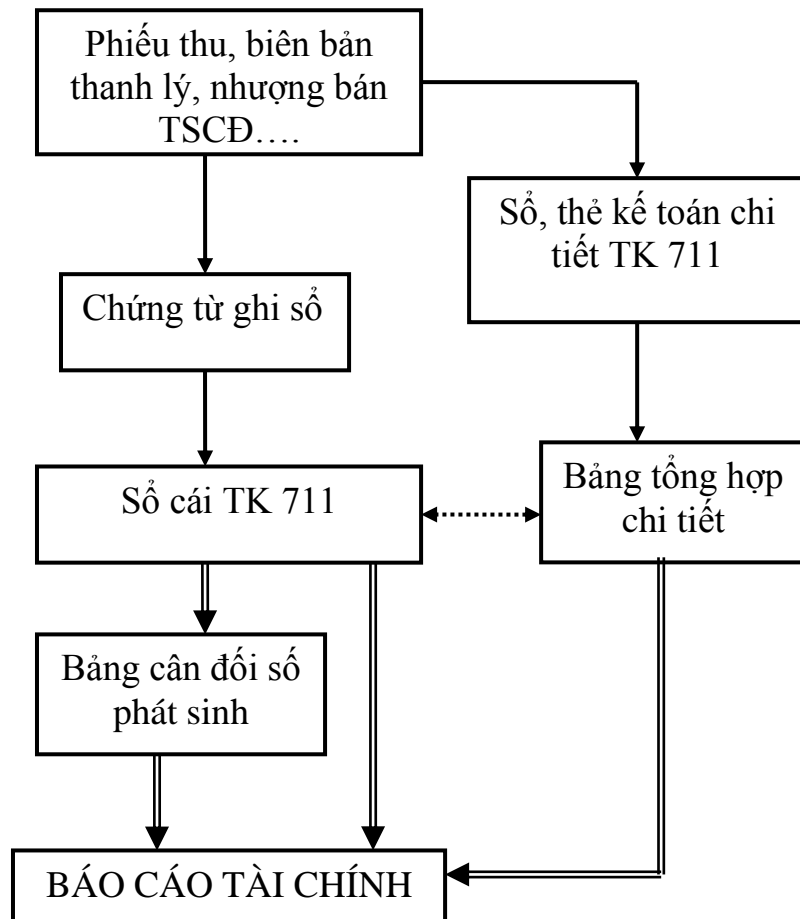
➤ Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

➤ Sổ sách, chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711
- Các sổ sách liên quan

➤ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán các khoản thu nhập khác

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: = = = = = →

Đối chiếu, kiểm tra <----->

➤ Ví dụ minh họa

Thu nhập khác từ thanh lý ô tô chuyên dùng vận chuyển nhận được bằng tiền mặt là 11.000.000 đồng

Kế toán ghi bút toán định khoản cho nghiệp vụ này:

Nợ TK 111: 11.000.000

Có TK 711: 10.000.000

Có TK 3331: 1.000.000

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:....

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Số: 126

Nợ TK 111 : 11.000.000
Có TK 711 : 10.000.000
Có TK 3331 : 1.000.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Linh

Địa chỉ: Công ty TNHH Việt Á

Lý do nộp: nộp tiền thanh lý TSCĐ

Số tiền: 11.000.000 (Viết bằng chữ) : Mười một triệu đồng chẵn

Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.7: Phiếu thu

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 50

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--|-------------------|------|------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Thu nhập khác từ thanh lý TSCĐ | 111 | 711 | 10.000.000 | |
| | 111 | 3331 | 1.000.000 | |
| Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt | 111 | 112 | 40.000.000 | |
| Cộng | | | 51.000.000 | |

Kèm theo 5 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.8: Chứng từ ghi sổ số 50

Khóa luận tốt nghiệp – Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

**Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng**

**Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | |
| 11/12 | 50 | 11/12 | Thu nhập khác từ thanh lý TSCĐ | 111 | | 10.000.000 |
| 15/12 | 69 | 15/12 | Thu tiền điện thoại các phòng ban quý III/2010 | 111 | | 6.072.119 |
| 30/12 | 141 | 30/12 | Thu nhập khác từ bán TSCĐ | 131 | | 96.551.200 |
| 31/12 | 146 | 31/12 | Kết chuyển thu nhập khác | 911 | 112.623.319 | |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 112.623.319 | 112.623.319 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.9: Trích sổ cái TK 711 tháng 12/2010

2.2.3 Kế toán các loại chi phí tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

Trong năm 2010, Công ty có phát sinh các chi phí là: Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đặc thù của Công ty CP Vận tải và dịch vụ điện lực là không có các khoản chi phí bán hàng, do đó kết cấu chi phí tập trung chủ yếu ở giá vốn hàng bán.

2.2.3.1: Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải. Giá vốn hàng bán của công ty bao gồm các chi phí phát sinh như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và cước vận tải thuê ngoài.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, vận tải nên giá vốn của dịch vụ cung cấp là toàn bộ chi phí bỏ ra để hoàn thành dịch vụ đó.

Công ty không sử dụng TK 621 và TK 622 để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp, mà hạch toán thẳng vào TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Do đặc điểm của công ty là cung cấp dịch vụ nên không có sản phẩm nhập kho, không có tồn đầu kỳ hay cuối kỳ. TK 154 không có số dư đầu kỳ hay cuối kỳ. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tập hợp vào bên Nợ của TK 154. Sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn dịch vụ của hợp đồng này để tính ra kết quả của hoạt động cung cấp dịch vụ.

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 627: Chi phí sản xuất chung

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế, hợp đồng vận chuyển
- Các chứng từ khác có liên quan
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 154, 632

➤ Quy trình hạch toán

Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng tháng, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh :

Nợ TK 154

Có TK 627

Từ đó kế toán vào sổ cái các TK 154, TK 627.

Sau đó kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK 632.

Nợ TK 632

Có TK 154

➤ Ví dụ minh họa

Chi phí nhiên liệu phục vụ vận chuyển MBA trạm 110KV Lập Thạch được xác định là 4.000.000, kế toán định khoản:

Nợ TK 154 : 4.000.000

Nợ TK 133 : 387.500

Có TK 111 : 4.387.500

Kết chuyển chi phí nhiên liệu vào TK 632 để tính trị giá vốn của dịch vụ đã hoàn thành, Kế toán ghi bút toán định khoản cho nghiệp vụ này:

Nợ TK 632 : 4.387.500

Có TK 154 : 4.387.500

CÔNG TY XĂNG
DẦU KHU VỰC III

HÓA ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT-3LN-04

Cửa hàng/ trạm.....

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/2008T-KV3

ĐT:0313.850.533,

Ngày: 08/11/2010

FAX: 0313.850.333

MST: 0200.120.833

TK: 003.100.000.1560

0185180

Ngân hàng Ngoại Thương HP

Người/ Đơn vị mua hàng : Cty CP Vận tải và
dịch vụ điện lực
Địa chỉ: 112 Ngô Quyền, Máy Chai, HP
Mã số thuế:

Chứng từ số:
Mã quản lý:
Kho xuất

| STT | Tên hàng hóa | Mã hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|------------------------------|--------------|-------------|-----|----------|---------|---------------|
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1 x2 |
| 1 | Xăng A95 | | lít | 250 | 15.500 | 3.875.000 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| Thuế suất Thuế GTGT: 10% | | | | | | |
| 1. Cộng tiền hàng | | | | | | 3.875.000 |
| 2. Tiền thuế GTGT: | | | | | | 387.500 |
| 3. LPXD: 500đ/lít | | | | | | 125.000 |
| 4. Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | | 4.387.500 VNĐ |

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm ngàn đồng chẵn.....

Người lập phiếu

Người mua hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 123

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--|-------------------|-----|-----------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Kết chuyển chi phí nhiên liệu vào TK 632 | 632 | 154 | 4.387.500 | |
| Cộng | | | 4.287.500 | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.11: Chứng từ ghi sổ số 123

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------|---------------|---------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| | | | | | | |
| 22/12 | 123 | 22/12 | Kết chuyển chi phí nhiên liệu theo HĐ số 131 | 154 | 4.387.500 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | 144 | 31/12 | Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 154 | 1.249.280.800 | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 2.087.611.170 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 2.087.611.170 | 2.087.611.170 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.12: Trích sổ cái TK 632 tháng 12/2010

2.2.3.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy, nổ,...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách , hội nghị khách hàng,...)

➤ Tài khoản sử dụng:

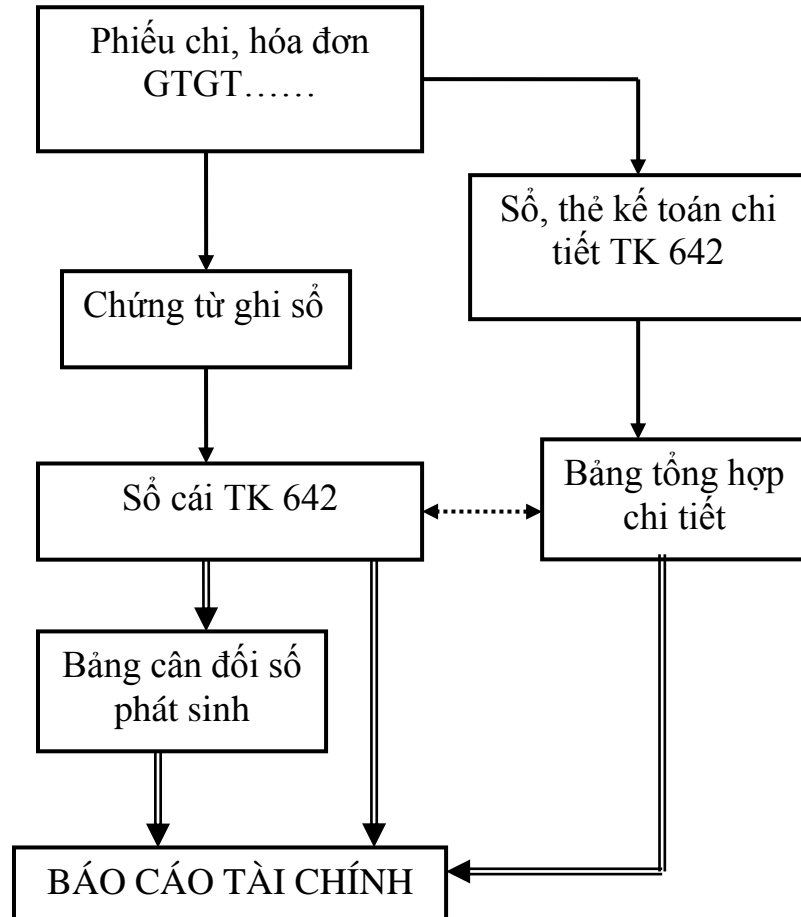
Đề hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng tài khoản 642

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6245: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6246: Chi phí dự phòng
- TK 6247: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6248: Chi phí bằng tiền khác

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642

➤ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: = = = = = →

Đối chiếu, kiểm tra <----->

➤ Ví dụ minh họa: Ngày 06/12, Công ty thanh toán tiền nước văn phòng tháng 11/2010, số tiền 899.720

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642 : 845.217

Nợ TK 133 : 42.261

Có TK 111 : 887.478

Căn cứ vào phiếu chi..., kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 642

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Quyển số:.....

Số: 138

Nợ TK 642 : 845.217

Nợ TK 133 : 42.261

Có TK 111 : 887.478

Họ tên người nhận tiền: Đinh Thị Xuyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền nước tháng 11

Số tiền: 887.478 (Viết bằng chữ) : Tám trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng

Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.13: Phiếu chi

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 76

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|-------------------------------|-------------------|------------|-------------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Thanh toán tiền nước tháng 11 | 642 133 | 111 111 | 845.217 42.261 | |
| Cộng | | | 887.478 | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.14: Chứng từ ghi sổ số 76

Khóa luận tốt nghiệp – Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|---|--------------------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 01/12 | 03 | 01/12 | Trích khấu hao TSCĐ | 214 | 49.916.740 | |
| 06/12 | 25 | 06/12 | Chuyển khoản trả tiền điện văn phòng | 112 | 5.457.705 | |
| 15/12 | 76 | 15/12 | Chi trả tiền nước văn phòng | 111 | 887.478 | |
| | | | | | | |
| 30/12 | 138 | 30/12 | Tiền thuế đất kho Cửa cấm | 3337 | 53.889.000 | |
| 31/12 | 142 | 31/12 | Tiền lương tháng 12 | 334 | 120.244.000 | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | | 457.669.683 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 457.669.683 | 457.669.683 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.15: Trích sổ cái TK 642 tháng 12/2010

2.2.3.3: Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là tài khoản bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay

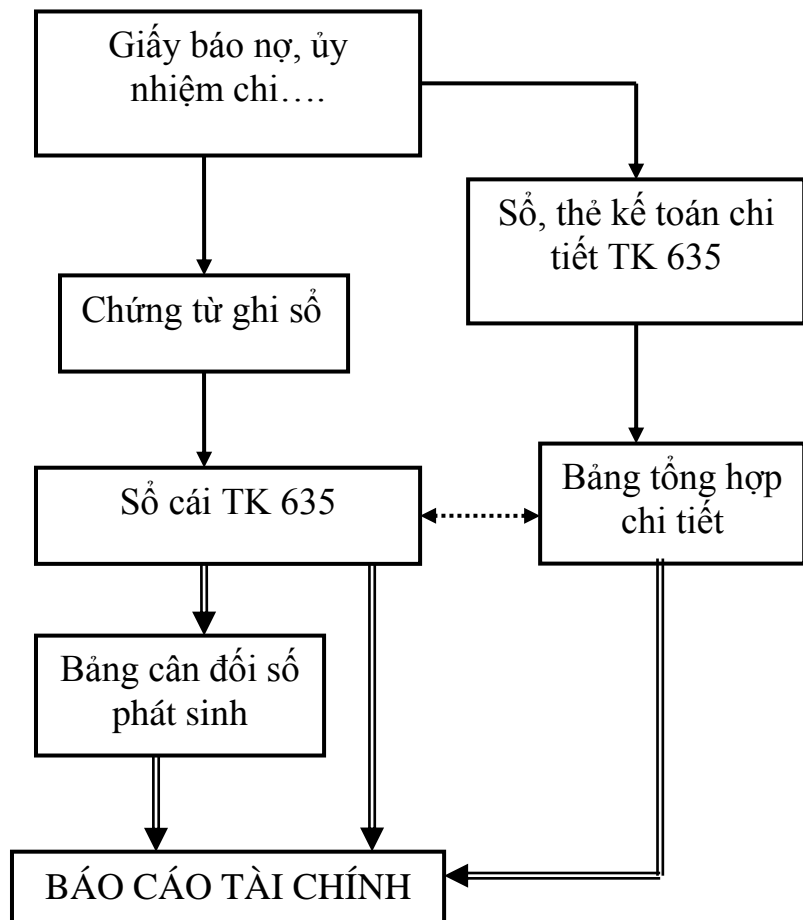
➤ Tài khoản sử dụng

- TK 635 : chi phí tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ khác liên quan
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

➤ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

- Ví dụ minh họa: Ngày 10/12, Công ty chuyên khoản trả phí môi giới hoa hồng chứng khoán với số tiền 4.820.541

Kế toán ghi bút toán định khoản cho nghiệp vụ này:

Nợ TK 635: 4.820.541

Có TK 112: 4.820.541

Căn cứ vào ủy nhiệm chi nhân được, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 635

**ỦY NHIỆM CHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN**

Ngày lập: 10/12/2010

Tên đơn vị trả tiền: **Công ty CP vận tải và DV điện lực**

Số tài khoản : **701270406000326**

Tài khoản ngân hàng : CN ngân hàng Sài Gòn Công Thương-
TP Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: **Chi nhánh Công ty Cổ phần chứng khoán
Công nghiệp VN**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số tài khoản :

Tại ngân hàng : Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

SỐ TIỀN BẰNG SỐ
4.820.541 đồng

Số tiền bằng chữ: **Bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi một ngàn đồng chẵn**

Nội dung thanh toán: Trả phí môi giới hoa hồng chứng khoán

Đơn vị trả tiền

Kế toán Chủ tài khoản

Ngân hàng A

Ghi sổ ngày

Kế toán trưởng phòng kế toán

Ngân hàng B

Ghi sổ ngày

Kế toán Trưởng phòng kế toán

(Nguồn phòng kế toán)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 46

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|----------------------------------|-------------------|-----|-----------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Chuyển khoản trả chi phí lãi vay | 635 | 112 | 4.820.541 | |
| Cộng | | | 4.820.541 | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.16: Chứng từ ghi sổ số 46

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ ghi số | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|---------------------------------------|--------------------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 10/12 | 46 | 10/12 | Chuyển khoản trả chi phí lãi vay | 112 | 4.820.541 | |
| 11/12 | 52 | 11/12 | Phí lưu ký chứng khoán tháng 12 | 112 | 92.337 | |
| 23/12 | 123 | 23/12 | Chi phí hoa hồng môi giới chứng khoán | 112 | 9.587.194 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 112 | | 104.064.342 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 104.064.342 | 104.064.342 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

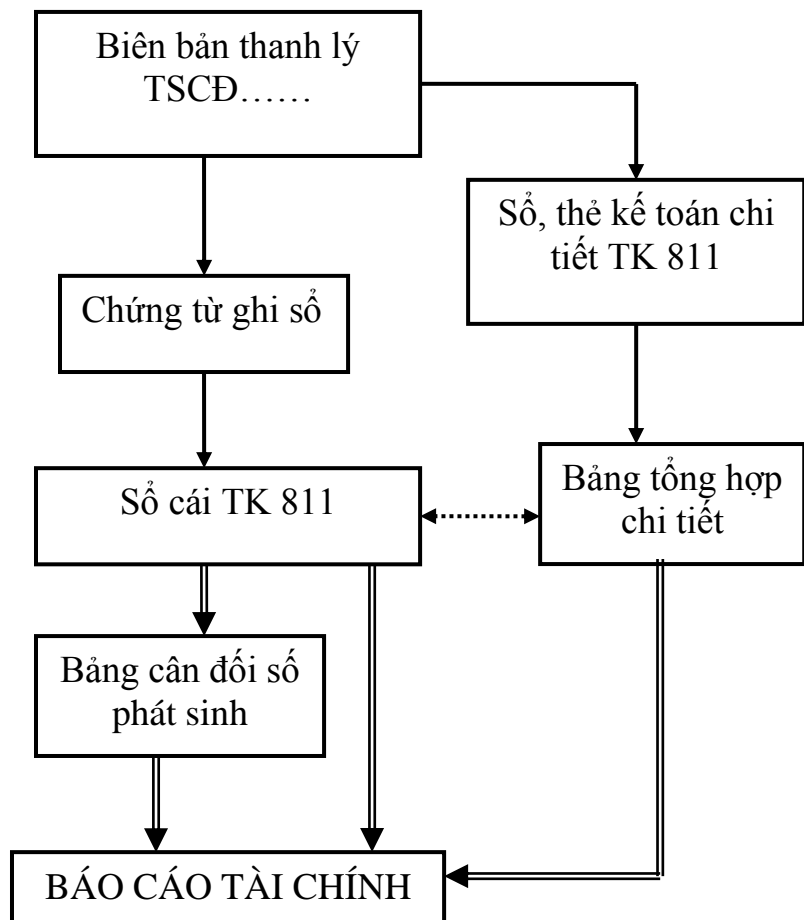
(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.17: Trích sổ cái TK 635 tháng 12/2010

2.2.3.4: Kế toán chi phí khác

Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.


- Tài khoản sử dụng: TK 811- Chi phí khác
- Chứng từ, sổ sách sử dụng
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Biên bản giao nhận TSCĐ
 - Phiếu chi
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái TK 811.....
- Quy trình hạch toán

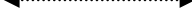


Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí khác

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Đối chiếu, kiểm tra 

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.....kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ sách liên quan: Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 811

➤ Ví dụ minh họa

Ngày 20/12/2010, công ty thanh lý ô tô chuyên dùng vận chuyển (Nguyên giá của ô tô là 1.254.120.000, đã khấu hao 1.227.985.000, GTCL trên sổ sách là 26.135.000)

Kế toán ghi định khoản cho nghiệp vụ này

Nợ TK 214 : 1.227.985.000

Nợ TK 811 : 26.135.000

Có TK 211 : 1.254.120.000

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Căn cứ QĐ số:....Ngày...tháng...năm... của....về việc thanh lý TSCĐ

1. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

-Bà: Đỗ Thị Lan – kế toán trưởng

-Bà: Nguyễn Thị Hà – kế toán viên

2. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

-Tên TSCĐ: ô tô chuyên dùng vận chuyển ở phòng giao nhận vận tải

-Số hiệu TSCĐ:

-Nước sản xuất:

-Năm sản xuất:

-Năm đưa vào sử dụng:Số thẻ TSCĐ:

-Nguyên giá TSCĐ: 1.254.120.000đồng

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1.227.985.000 đồng

-Giá trị còn lại của TSCĐ: 26.135.000 đồng

3. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

4. Kết quả thanh lý TSCĐ

-Chi phí thanh lý TSCĐ: 1.500.000.(viết bằng chữ) Một triệu năm trăm ngàn đồng

-Giá trị thu hồi: 10.000.000 (viết bằng chữ) Mười triệu đồng chẵn

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2010

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn phòng kế toán)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 110

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--------------------------------------|-------------------|-----|---------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý | 811 | 211 | 26.135.000 | |
| | 214 | 211 | 1.227.985.000 | |
| Cộng | | | 1.254.120.000 | |

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.18: Chứng từ ghi sổ số 110

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí khác

Số hiệu : 811

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--------------------------|--------------------|------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 20/12 | 110 | 20/12 | GTCL của TSCĐ thanh lý | 211 | 26.135.000 | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | | 26.135.000 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 26.135.000 | 26.135.000 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.19: Sổ cái TK 811 tháng 12/2010

2.2.4: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh
 - + Kết quả hoạt động tài chính
 - + Kết quả hoạt động khác
- Tài khoản sử dụng:
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

➤ Phương pháp hạch toán

Do doanh nghiệp tiến hành hạch toán chi phí chung cho tất cả các loại hình dịch vụ nên không xác định kết quả kinh doanh cho từng loại hình dịch vụ.

Kế toán căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp ở các sổ để xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Năm 2010, Công ty không phát sinh bất kỳ một khoản giảm trừ nào nên doanh thu thuần chính bằng tổng doanh thu cung cấp dịch vụ. Sau khi tổng hợp và đối chiếu số liệu từ các chứng từ, sổ sách như: Sổ cái TK 511, 632, 635, 642... kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ vào ngày cuối cùng của từng tháng và khóa sổ vào cuối năm.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

$$\text{Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí)} > 0$$

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421

$$\text{Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí)} = 0$$

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

$$\text{Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí)} < 0$$

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421

➤ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2008 kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang Tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh, từ Tài khoản này kết chuyển sang Tài khoản 421- lợi nhuận chưa phân phối.

| Tổng Doanh thu tháng 12/2010 | | Tổng Chi phí tháng 12/2010 | |
|------------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| Nợ TK 511 | : 2.653.227.189 | Nợ TK 911 | : 2.675.480.195 |
| Nợ TK 515 | : 105.390.134 | Có TK 632 | : 2.087.611.170 |
| Nợ TK 711 | : 112.623.319 | Có TK 635 | : 104.064.342 |
| Có TK 911 | : 2.871.240.642 | Có TK 642 | : 457.669.683 |
| | | Có TK 811 | : 26.135.000 |

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

$$= 2.871.240.642 - 2.675.480.195 = 195.760.447$$

$$\text{Chi phí Thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$= 195.760.447 * 25\% = 48.940.112$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Chi phí Thuế TNDN}$$

$$= 195.760.447 - 48.940.112 = 146.820.335$$

- Kế toán xác định thuế TNDN phải nộp

$$\text{Nợ TK 8211} \quad : \quad 48.940.112$$

$$\text{Có TK 3334} \quad : \quad 48.940.112$$

- Kế toán kết chuyển thuế TNDN

Nợ TK 911 : 48.940.112

Có TK 821 : 48.940.112

- Kế toán kết chuyển lãi

Nợ TK 911 : 146.820.335

Có TK 421 : 146.820.335

Kế toán lập các chứng từ ghi sổ ghi nhận việc kết chuyển XD KQKD và vào Sổ cái TK 911, sổ cái TK 421

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 146

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|--|-------------------|-----|---------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | 911 | 2.653.227.189 | |
| Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 105.390.134 | |
| Kết chuyển thu nhập khác | 711 | 911 | 112.623.319 | |
| Cộng | | | 2.871.240.642 | |

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.20: Chứng từ ghi sổ số 146

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 147

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|---|-------------------|-----|----------------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 2.087.611.170 | |
| Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | 642 | 457.669.683 | |
| Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 635 | 104.064.342 | |
| Kết chuyển chi phí khác | 911 | 811 | 26.135.000 | |
| Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 911 | 821 | 48.940.112 | |
| Kết chuyển lãi tháng 12 | 911 | 421 | 146.820.335 | |
| Cộng | | | 2.871.240.642 | |

Kèm theo 6 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.21: Chứng từ ghi sổ số 147

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 148

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền | Ghi chú |
|----------------------------|-------------------|------|------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Xác định thuế TNN phải nộp | 821 | 3334 | 48.940.112 | |
| Cộng | | | 48.940.112 | |

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.22: Chứng từ ghi sổ số 148

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí thuế TNDN

Số hiệu : 821

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------|------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 31/12 | 148 | 31/12 | Xác định số thuế TNDN phải nộp | 3334 | 48.940.112 | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12/2010 | 911 | | 48.940.112 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 48.940.112 | 48.940.112 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.23: Sổ cái TK 821 tháng 12/2010

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------|---------------|---------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 31/12 | 146 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | 2.653.227.189 | |
| | | | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 105.390.134 | |
| | | | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | 112.623.319 | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | | 2.087.611.170 |
| | | | Kết chuyển chi phí tài chính | 635 | | 104.064.342 |
| | | | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 642 | | 457.669.683 |
| | | | Kết chuyển chi phí khác | 811 | | 26.135.000 |
| | | | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | | 48.940.112 |
| | | | Kết chuyển lãi | 421 | | 146.820.335 |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | 2.871.240.642 | 2.871.240.642 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.24: Sổ cái TK 911 tháng 12/2010

Công ty CP vận tải và dịch vụ điện lực
Số 112 Ngô Quyền, P.Máy Chai,
Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|--------------------|---------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | SỐ DƯ ĐẦU THÁNG | | | 2.216.646.877 |
| | | | SỐ PHÁT SINH TRONG THÁNG | | | |
| 31/12 | 147 | 31/12 | Kết chuyển lãi tháng 12 | 911 | | 146.820.335 |
| | | | | | | |
| | | | CỘNG SỐ PHÁT SINH | | | 146.820.335 |
| | | | SỐ DƯ CUỐI THÁNG | | | 2.363.467.212 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán)

Biểu 2.25: Trích Sổ cái TK 421 tháng 12/2010

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DV ĐIỆN LỰC**

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã | Thuyết minh | Số năm nay | Số năm trước |
|---|----|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.25 | 31,744,292,822 | 69,819,255,529 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.26 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | VI.27 | 31,744,292,822 | 69,819,255,529 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.28 | 26,102,946,663 | 59,873,771,640 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 5,641,346,159 | 9,945,483,889 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.29 | 1,627,981,031 | 1,661,290,085 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.30 | 1,574,167,584 | 94,113,332 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 5,220,717,644 | 5,042,866,797 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | | 474,441,962 | 6,469,793,845 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1,489,746,199 | (108,714,687) |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 78,404,159 | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 1,411,342,040 | (108,714,687) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 1,885,784,002 | 6,361,079,158 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.31 | 471,446,001 | 1,590,269,790 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.32 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 1,414,338,002 | 4,770,809,369 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 300.9 | 1,015.1 |

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Kế toán)

Biểu 2.26: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

3.1: Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

3.1.1: Nhận xét chung

Từ khi thành lập đến nay, công ty đã đạt được một số thành tích đáng kể:

- Năm 1981, được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng ba về thành tích tiếp nhận vận chuyển VTTB xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
- Năm 1986, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba lần thứ 2 về thành tích tiếp nhận vận chuyển VTTB xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Bình
- Năm 2004, được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhì về thành tích tiếp nhận vận chuyển VTTB xây dựng đường dây 500 KV Bắc-Nam
- 2 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen (năm 1999 và 2004)
- Những bằng khen, giấy khen của Bộ điện lực (trước đây), Tập đoàn điện lực Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Lạng Sơn, Sơn La....
- 1 lần được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên

Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn và càng thêm gắn bó với công ty.

Đặc biệt, vì kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, lĩnh vực phụ thuộc rất lớn vào chất lượng tay nghề của đội ngũ lái xe nên hàng quý, hàng năm công ty luôn tổ chức các đợt khám sức khỏe cũng như kiểm tra, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ lái xe, có chế độ khen thưởng, bảo hiểm, đảm bảo cho mỗi chuyến xe hàng luôn được an toàn, nhanh chóng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.1.2: Một số ưu điểm của công ty trong công tác kế toán:

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng trong công tác kế toán tại các công ty. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình thực tập, được tìm hiểu công tác kế toán tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực, em nhận thấy có những ưu điểm sau:

✓ *Về trình tự hạch toán:*

Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng và chính xác. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, các chính sách về thuế và giá, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

✓ *Về chứng từ sử dụng:*

Các chứng từ được lập tại công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan và sử dụng theo đúng mẫu quy

định của Bộ tài chính. Trước khi đưa vào lưu trữ, các chứng từ phải được sắp xếp, phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy đã giúp cho quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời.

✓ ***Về hệ thống sổ sách kế toán:***

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách của Công ty được tổ chức chặt chẽ, thuận tiện cho quá trình ghi chép và lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

✓ ***Về hệ thống tài khoản sử dụng:***

Công ty Cổ Phần vận tải và dịch vụ điện lực áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kèm theo.

✓ ***Về công tác kế toán doanh thu:***

Công tác hạch toán doanh thu tại công ty luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác cho nhà quản trị. Việc hạch toán doanh thu như hiện

nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

✓ *Về công tác kế toán chi phí:*

Chi phí kinh doanh là một vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm mọi cách để quản lý một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh được theo dõi theo từng khoản mục để kiểm soát một cách chặt chẽ.

✓ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép và phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty.

Hiện nay sau mỗi quý hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

3.1.3: Một số mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần vận tải và dịch vụ điện lực còn có những nhược điểm cần khắc phục:

➤ *Về việc sử dụng phần mềm kế toán:*

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng công ty vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, gây không ít khó khăn cho các nhân

viên kế toán trong việc tập hợp số liệu để vào các chứng từ, sổ sách kế toán, làm tăng khối lượng công việc của kế toán.

➤ **Về sổ sách:**

Công ty chưa mở đầy đủ các loại sổ sách đúng như QĐ 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC. Cụ thể, hiện nay công ty chưa mở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh.

➤ **Về chính sách ưu đãi cho khách hàng:**

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

➤ **Về Nhân sự phòng kế toán:**

Số lượng nhân viên tại phòng kế toán của công ty quá ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại quá nhiều. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về chi phí và kết quả kinh doanh

3.2: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

3.2.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện

Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết, thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự

phát triển của công ty. Tuy nhiên, những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào, kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện phải luôn được đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp và chế độ kế toán, để công tác kế toán luôn hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho đến khâu tổ chức kinh doanh. Do vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác, vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty, bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2: Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện

➤ Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao.

➤ Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận

dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

3.2.3: Nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- **Thứ nhất**: Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- **Thứ hai**: Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

- **Thứ ba**: Đặc biệt sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được là cao nhất với chi phí thấp nhất.

- **Thứ tư**: Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời và chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn, tối ưu.

3.2.4: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và

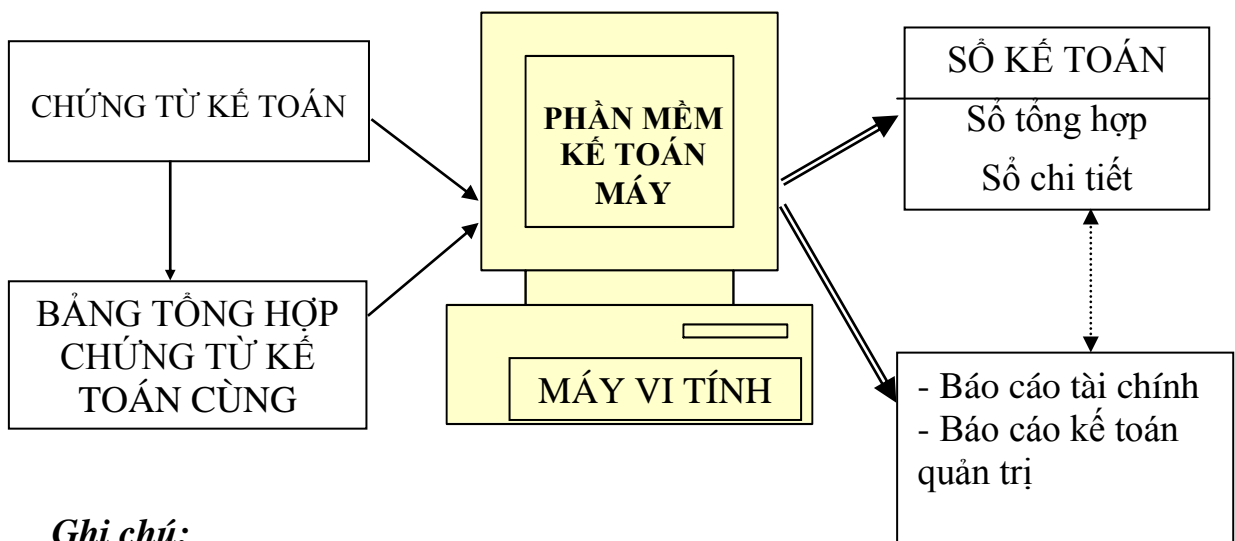
xác định kết quả kinh doanh

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

➤ **Ý kiến 1: Ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn.**

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng mở rộng hơn, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý, cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “Chứng từ ghi sổ”.



Ghi chú:

- ➔ Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⋯⋯⋯<—> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái,) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sau đây là một số phần mềm kế toán máy Công ty có thể tham khảo và áp dụng:

- Phần mềm ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ Tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Phần mềm kế toán MetaData Accounting: Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình DN. Với tiêu chí “Đơn giản hoá, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của DN. Meta được đánh giá là phần mềm có hiệu

quả cao trong công tác kế toán - quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

- Phần mềm kế toán ASC: Do phân viện Công nghệ thông tin TP.HCM thực hiện từ cuối năm 1985. Phần mềm này đã được sử dụng bởi hàng trăm công ty, đơn vị. Trong đó có các công ty thuộc các loại hình hành chính sự nghiệp, sản xuất, dịch vụ xây dựng từ quy mô nhỏ cho đến rất lớn

➤ Ý kiến 2: Hoàn thiện hơn trong việc sử dụng sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, nhưng trong thực tế kế toán Công ty lại không sử dụng Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay vì Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi chép theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Nó có tác dụng:

- Quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu số liệu với Sổ cái.
- Mọi chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong đều phải đăng ký vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số liệu về ngày tháng.
- Số hiệu của các chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục từ đầu tháng đến cuối tháng, ngày tháng trên chứng từ ghi sổ được tính theo ngày tháng ghi vào “Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ”.
- Tổng số tiền trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ bằng số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh. Điều này giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được chính xác và nhanh chóng.

Từ những tác dụng nêu trên, Công ty nên đưa Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ vào để sử dụng cho phù hợp với hình thức kế toán sử dụng. Nếu thiếu Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ không được coi là hình thức Chứng từ ghi sổ. Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ được lập theo mẫu sau:

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

| Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|--------------------------|-------------|-----------------|
| Số hiệu | Ngày, tháng | |
| | | |
| 03 | 01/12 | 49.916.740 |
| | | |
| 17 | 04/12 | 132.881.872 |
| | | |
| 46 | 10/12 | 4.820.541 |
| 50 | 11/12 | 51.000.000 |
| | | |
| 110 | 20/12 | 1.254.120.000 |
| | | |
| 130 | 25/12 | 1.551.548.900 |
| 146 | 31/12 | 2.871.240.642 |
| 147 | 31/12 | 2.871.240.642 |
| 148 | 31/12 | 48.940.112 |
| - Cộng tháng | | 29.883.417.198 |
| - Cộng lũy kể từ đầu quý | | 347.198.715.540 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

➤ **Ý kiến 3: Về công tác kế toán doanh thu**

Để thực hiện tốt khâu kinh doanh dịch vụ và tăng doanh thu, Công ty nên có chính sách thu hút khách hàng như cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại,..... Công ty nên mở TK 521 - Chiết khấu thương mại, TK 531 - Hàng bán bị trả lại, TK 532 - Giảm giá hàng bán.

- TK 521 phản ánh khoản CKTM người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách CKTM của doanh nghiệp đã quy định. CKTM là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Phải theo dõi chi tiết CKTM đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hình dịch vụ

Hạch toán CKTM thực tế phát sinh trong kỳ :

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có).

Có TK 111, 112, 131,

- TK 531 dùng để phản ánh giá trị của số hàng hoá bị trả lại do thiếu do các nguyên nhân: vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết... Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn).

Khi doanh nghiệp nhận lại hàng hoá bị trả lại, kế toán phản ánh giá vốn của hàng bán bị trả lại: Nợ TK 156 : Hàng hoá.

Có TK 632 : Giá vốn hàng bán.

Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531 : Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại)

Có TK 111, 112, 131,

Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại (nếu có).

Nợ TK 641 : Chi phí bán hàng.

Có TK 111, 112, 141,

- TK 532 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp nhận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất,

Khi có chứng từ xác định khoản giảm giá hàng bán người mua về số lượng hàng đã bán do kém, mất phẩm chất, sai quy cách hợp đồng:

Nợ TK 532 : Giảm giá hàng bán (Theo giá bán chưa có thuế VAT)

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán
phải giảm giá)

Có TK 111, 112, 131,

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Có TK 531 : Hàng bán bị trả lại.

Có TK 532 : Giảm giá hàng bán.

➤ **Ý kiến 4:** Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán

Số lượng nhân viên kế toán của công ty hiện nay còn thiếu so với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Do vậy việc cung cấp các thông tin cần thiết

cho ban giám đốc công ty sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Do đó yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty hiện nay là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng sẽ được phân công theo chuyên môn của từng nhân viên. Như vậy sẽ đảm bảo cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

3.3: Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực

3.3.1: Đối với Nhà nước

Nhà nước phải tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hệ thống luật, chuẩn mực kế toán và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện công tác kế toán nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế phát triển. Nhà nước nên tạo ra khung pháp lý hoàn chỉnh để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp mình, đồng thời tối đa hoá khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng.

3.3.2: Đối với Doanh nghiệp

Công ty phải thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên kế toán để có thể kịp thời cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán và áp dụng vào doanh nghiệp một cách phù hợp, nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán

3.3.3: Đối với hiệp hội nghề nghiệp

Thường xuyên mở các lớp tập huấn chính sách, chế độ về thuế, kế toán Việt Nam mới ban hành; mở các lớp nâng cao năng lực quản lý tài chính và nghiệp vụ kế toán cho đội ngũ kế toán các doanh nghiệp; tổ chức điều đặn các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng tại doanh nghiệp. Mở rộng việc giới thiệu, phổ biến các phần mềm kế toán đang được áp dụng tới các doanh nghiệp...

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập mở ra một thị trường rộng lớn cùng với nhiều cơ hội mà doanh nghiệp có thể nắm bắt để thành công, đồng thời cũng mở ra một môi trường cạnh tranh gay gắt hơn. Trong điều kiện đó, kế toán được các doanh nghiệp sử dụng như một công cụ khoa học để tiếp nhận một cách khách quan các dữ liệu tài chính, từ đó ghi nhận, phân tích và trình bày một cách thích hợp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban giám đốc công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Trong bài khóa luận " Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Vận tải và dịch vụ điện lực" đã phản ánh được các vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Đã nêu được các lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn: Bài khóa luận đã phản ánh đầy đủ, trung thực công tác hạch toán kế toán doanh thu, kế toán chi phí và kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Vận tải và dịch vụ điện lực với số liệu minh chứng của năm 2010

Về kiến nghị, đề xuất: Đối chiếu, áp dụng lý luận vào thực tiễn của công ty, khóa luận đã đề ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ chính sách của Nhà nước, tình hình thực tế của Công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi trong doanh nghiệp.

Do thời gian thực tế chưa nhiều và trình độ chuyên môn còn hạn chế nên việc nghiên cứu của em mới chỉ đi sâu vào một số vấn đề cơ bản và chủ yếu của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Em kính mong nhận được sự chỉ bảo và đóng góp ý kiến của công ty và các thầy cô giáo để bài viết này của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh, thầy giáo hướng dẫn cùng các cô, các anh chị phòng Tài chính- Kế toán của Công ty Cổ Phần Vận tải và dịch vụ điện lực đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Trần Thị Minh Ngọc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.
- 2, Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp - Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân – 2006. Chủ biên: PGS. TS. Nguyễn Thị Đông.
- 3, Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị
- 4, Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 5, Các bài khóa luận tốt nghiệp năm 2008 của sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.
- 6, Số liệu và bảng biểu trích từ Nguồn tài liệu Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực
- 7, Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế và các báo kinh tế,...